

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305477911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 12/12/2022)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 850./QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 11 năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

Trụ sở chính: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3827 0527

Fax: (028) 3821 8010

Website: www.tcsc.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Trịnh Tấn Lực

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (028) 3827 0527

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11. năm 2023



SỞ GIAO DỊCH KHOẢN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOẢN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOẢN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOẢN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN THÀNH CÔNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305477911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 12/12/2022)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số:...../SGD.....-QĐ do.....cấp ngày.....
tháng.....năm.....)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

Trụ sở chính: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3827 0527

Fax: (028) 3821 8010

Website: www.tcsc.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Trịnh Tấn Lực

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (028) 3827 0527

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11. năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305477911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 12/12/2022)

Trụ sở chính: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3827 0527

Fax: (028) 3821 8010

Email: info@tcsc.vn

Website: www.tcsc.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu : TCI

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết : 100.979.982 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá : 1.009.799.820.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Trụ sở chính: : Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: : (028) 3547 2972

Fax: : (028) 3547 2970

Website: : www.a-c.com.vn

MỤC LỤC

| | | |
|-------------|---|----------|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT..... | 1 |
| 1. | Rủi ro về kinh tế..... | 1 |
| 2. | Rủi ro về luật pháp..... | 3 |
| 3. | Rủi ro đặc thù..... | 3 |
| 4. | Rủi ro khác..... | 6 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 7 |
| 1. | Tổ chức niêm yết..... | 7 |
| 2. | Tổ chức tư vấn..... | 7 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM..... | 7 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT..... | 8 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 8 |
| 1.1. | Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết..... | 8 |
| 1.2. | Quá trình hình thành, phát triển..... | 9 |
| 1.3. | Quá trình tăng vốn điều lệ..... | 10 |
| 2. | Cơ cấu tổ chức Công ty..... | 14 |
| 3. | Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty..... | 15 |
| 4. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông..... | 17 |
| 4.1. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty..... | 17 |
| 4.2. | Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ..... | 17 |
| 4.3. | Cơ cấu cổ đông..... | 18 |
| 5. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết..... | 18 |
| 5.1. | Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết..... | 18 |
| 5.2. | Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết..... | 18 |
| 5.3. | Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối..... | 19 |
| 5.4. | Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết..... | 19 |
| 6. | Hoạt động kinh doanh..... | 19 |
| 6.1. | Giá trị dịch vụ qua các năm..... | 19 |
| 6.2. | Chi phí hoạt động kinh doanh..... | 24 |
| 6.2.1. | Cơ cấu chi phí hoạt động..... | 25 |
| 6.2.2. | Cơ cấu chi phí quản lý..... | 27 |

| | | |
|--------|---|----|
| 6.2.3. | So sánh cơ cấu chi phí với một số công ty chứng khoán | 30 |
| 6.3. | Trình độ công nghệ..... | 31 |
| 6.3.1. | Hạ tầng mạng..... | 31 |
| 6.3.2. | Các phần mềm nghiệp vụ..... | 31 |
| 6.3.3. | Nhân sự IT..... | 32 |
| 6.3.4. | Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới | 32 |
| 6.3.5. | Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ..... | 33 |
| 6.3.6. | Hoạt động Marketing | 34 |
| 6.3.7. | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền..... | 34 |
| 6.4. | Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết | 35 |
| 7. | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..... | 36 |
| 7.1. | Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh của Công ty | 36 |
| 7.2. | Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết..... | 37 |
| 7.3. | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo | 42 |
| 8. | Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 36 |
| 8.1. | Vị thế của Công ty trong ngành..... | 42 |
| 8.2. | Triển vọng phát triển của ngành..... | 43 |
| 8.3. | So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành | 43 |
| 8.4. | Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới..... | 44 |
| 9. | Chính sách đối với người lao động..... | 46 |
| 9.1. | Số lượng người lao động trong Công ty..... | 46 |
| 9.2. | Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp..... | 46 |
| 9.3. | Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động..... | 47 |
| 10. | Chính sách cổ tức..... | 47 |
| 11. | Tình hình hoạt động tài chính | 48 |
| 11.1. | Các chỉ tiêu cơ bản..... | 48 |
| 11.2. | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 55 |
| 12. | Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng..... | 57 |
| 12.1. | Hội đồng quản trị..... | 57 |
| 12.2. | Ban Kiểm soát | 65 |
| 12.3. | Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý | 68 |
| 13. | Tài sản..... | 73 |
| 14. | Tình hình sử dụng đất đai..... | 76 |

| | | |
|-------|---|----|
| 15. | Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo..... | 76 |
| 15.1. | Kế hoạch năm 2023, 2024 và 2025..... | 76 |
| 15.2. | Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2023 | 77 |
| 15.3. | Đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch | 78 |
| 15.4. | Kế hoạch đầu tư dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua | 78 |
| 15.5. | Kế hoạch tăng vốn điều lệ..... | 79 |
| 16. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết... | 84 |
| 17. | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết..... | 85 |
| V. | CỔ PHIẾU NIÊM YẾT | 85 |
| 1. | Loại cổ phiếu | 85 |
| 2. | Mệnh giá | 85 |
| 3. | Tổng số cổ phiếu niêm yết..... | 85 |
| 4. | Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết..... | 85 |
| 5. | Phương pháp tính giá..... | 86 |
| 5.1. | Giá trị sổ sách..... | 86 |
| 5.2. | Giá thị trường | 87 |
| 6. | Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE | 88 |
| 7. | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài..... | 88 |
| 8. | Các loại thuế có liên quan | 89 |
| 8.1. | Đối với Công ty..... | 89 |
| 8.2. | Đối với nhà đầu tư | 89 |
| VI. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT | 90 |
| VIII. | DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN | 90 |
| IX. | PHỤ LỤC | 92 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty..... | 10 |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn tại ngày 26/09/2023 | 17 |
| Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 26/09/2023 | 18 |
| Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ..... | 21 |
| Bảng 5: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty | 22 |
| Bảng 6: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu của Công ty mẹ .. | 24 |
| Bảng 7: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu hợp nhất của Công ty | 24 |
| Bảng 8: Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty mẹ..... | 25 |
| Bảng 9: Cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của Công ty | 26 |
| Bảng 10: Cơ cấu chi phí quản lý của Công ty mẹ..... | 27 |
| Bảng 11: Cơ cấu chi phí quản lý hợp nhất của Công ty | 28 |
| Bảng 12: So sánh chi phí một số công ty chứng khoán năm 2022 | 30 |
| Bảng 13: So sánh chi phí một số công ty chứng khoán 9 tháng đầu năm 2023 | 30 |
| Bảng 14: Tỷ lệ vốn an toàn khả dụng | 33 |
| Bảng 15: Một số hợp đồng lớn đã ký kết thực hiện..... | 35 |
| Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ | 36 |
| Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty | 36 |
| Bảng 18: So sánh kết quả kinh doanh năm 2022 của một số công ty chứng khoán | 43 |
| Bảng 19: So sánh tình hình tài chính của một số công ty chứng khoán | 44 |
| Bảng 20: So sánh kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 của một số công ty chứng khoán | 44 |
| Bảng 21: Cơ cấu lao động hợp nhất của Công ty | 46 |
| Bảng 22: Tỷ lệ cổ tức từ năm 2020 – 2022..... | 47 |
| Bảng 23: Mức lương bình quân | 48 |
| Bảng 24: So sánh mức lương, thu nhập bình quân của một số công ty chứng khoán khác năm 2020, 2021 và 2022..... | 48 |
| Bảng 25: Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ..... | 49 |
| Bảng 26: Các khoản phải nộp theo luật định hợp nhất của Công ty..... | 49 |
| Bảng 27: Trích lập các quỹ của Công ty mẹ..... | 50 |
| Bảng 28: Trích lập các quỹ hợp nhất của Công ty..... | 50 |
| Bảng 29: Nợ vay của Công ty mẹ..... | 50 |
| Bảng 30: Nợ vay hợp nhất của Công ty | 51 |
| Bảng 31: Chi tiết các khoản vay của Công ty mẹ..... | 51 |
| Bảng 32: Chi tiết các khoản vay hợp nhất | 52 |

| | |
|--|----|
| Bảng 33: Trái phiếu phát hành ngắn hạn của Công ty mẹ..... | 52 |
| Bảng 34: Nợ phải thu của Công ty mẹ..... | 53 |
| Bảng 35: Nợ phải thu hợp nhất của Công ty..... | 53 |
| Bảng 36: Nợ phải trả của Công ty mẹ..... | 54 |
| Bảng 37: Nợ phải trả hợp nhất của Công ty..... | 55 |
| Bảng 38: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ..... | 55 |
| Bảng 39: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất của Công ty | 56 |
| Bảng 40: Danh sách Hội đồng quản trị..... | 57 |
| Bảng 41: Danh sách Ban Kiểm soát | 65 |
| Bảng 42: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý | 68 |
| Bảng 43: Tài sản tài chính của Công ty mẹ | 73 |
| Bảng 44: Tài sản tài chính hợp nhất của Công ty | 73 |
| Bảng 45: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2020..... | 74 |
| Bảng 46: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021..... | 74 |
| Bảng 47: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022..... | 75 |
| Bảng 48: Giá trị tài sản cố định hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2022..... | 75 |
| Bảng 49: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2023..... | 75 |
| Bảng 50: Giá trị tài sản cố định hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/09/2023..... | 76 |
| Bảng 51: Danh mục đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng..... | 76 |
| Bảng 52: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2023, 2024 và 2025 | 76 |
| Bảng 53: Danh sách người nội bộ và cổ đông lớn có liên quan đến người nội bộ cam kết hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu kể từ ngày giao dịch đầu tiên..... | 86 |
| Bảng 54: Giá tham chiếu 30 phiên giao dịch gần nhất của TCI tính đến ngày 16/11/2023 | 87 |

DANH MỤC HÌNH ẢNH

| | |
|--|---|
| Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2010 – 2022 (%)..... | 1 |
| Hình 2: CPI bình quân giai đoạn 2010 – 2022 (%)..... | 2 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

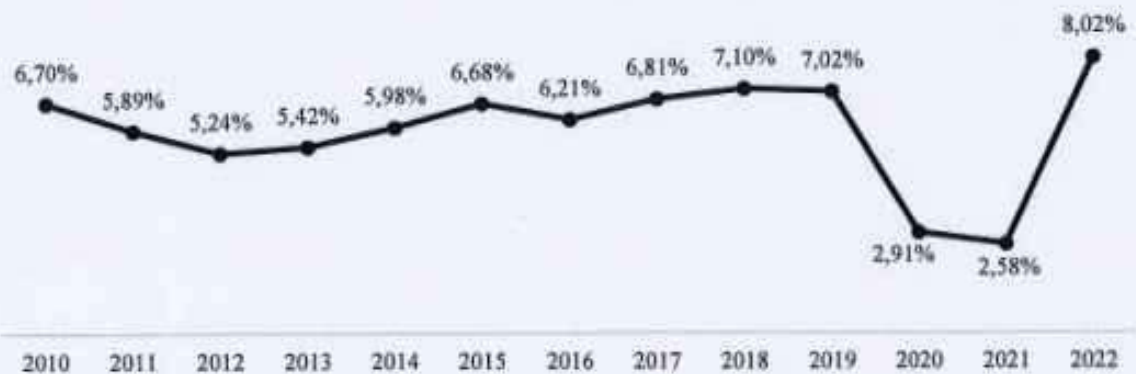
1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là chỉ báo quan trọng nhất thể hiện sức khỏe của nền kinh tế, tác động đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội của mọi thành phần trong nền kinh tế. Khi kinh tế tăng trưởng, người dân lạc quan, mở rộng chi tiêu và đầu tư, từ đó thúc đẩy kinh tế đi lên, ngược lại, khi kinh tế suy thoái, người dân bi quan, giảm chi tiêu và đầu tư, khiến tổng cầu suy giảm, từ đó trở thành lực cản của tăng trưởng kinh tế.

Trong 10 năm trở lại đây, kinh tế Việt Nam luôn đạt mức tăng trưởng khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đó chính là động lực và là nền tảng để doanh nghiệp kế hoạch hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của mình gắn với sự tăng trưởng, và nhiều doanh nghiệp đạt được thành công đáng kể. Tuy nhiên, trước tác động tiêu cực của đại dịch Covid -19 đã khiến hầu hết các nền kinh tế đều suy giảm, thậm chí suy thoái.

GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2010 - 2022. GDP Quý III/2023 tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2010 – 2022 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Với lĩnh vực kinh doanh là chứng khoán, kết quả hoạt động kinh doanh của TCSC cũng chịu sự tác động của tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Những tín hiệu khả quan của nền kinh tế sẽ tác động tích cực đến thị trường chứng khoán, mở ra nhiều cơ hội cho nhà đầu tư, tăng sự đa dạng và tính minh bạch của thị trường. Tuy nhiên ở chiều ngược lại nếu nền kinh tế có những diễn biến tiêu cực cũng sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp, tác động tiêu cực đến thị trường và công ty chứng khoán. Do vậy, nhằm hạn chế những tác động bất lợi từ chuyển động của nền kinh tế và thị trường chứng khoán tới hiệu quả hoạt động của Công ty nên Công ty luôn cập nhật các biến động của nền kinh tế, đánh giá tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của mình và các phương án chủ động điều chỉnh hoạt động cho phù hợp, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng hàng năm.

1.2. Lãi suất

Lãi suất, đứng ở góc độ vĩ mô, là một công cụ điều hành chính sách tiền tệ làm tăng hoặc giảm cung tiền trong nền kinh tế để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hoặc kiềm chế lạm phát. Còn ở góc

độ doanh nghiệp thì đó là một loại chi phí có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành. Trong những năm vừa qua, để hỗ trợ tăng trưởng, lãi suất được duy trì ở mức ổn định và phù hợp. Trong thời gian qua, để hỗ trợ sự phục hồi kinh tế, Ngân hàng Nhà nước thực hiện các chính sách lãi suất linh hoạt và kết hợp thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để duy trì mặt bằng lãi suất của nền kinh tế ở mức vừa phải và thực hiện các gói kích cầu làm cho cung tiền trong nền kinh tế tăng mạnh, từ đó góp phần hỗ trợ cho đà tăng trưởng của thị trường chứng khoán.

Sự biến động của lãi suất sẽ gây ảnh hưởng đến chi phí tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của TCSC. Và để hạn chế rủi ro này, TCSC luôn tìm cách đa dạng hóa nguồn vốn khác nhau và chi phí vốn thấp để vừa một mặt giảm chi phí lãi vay cho chính TCSC vừa hỗ trợ nguồn vốn giá rẻ cho khách hàng và luôn chủ động trước diễn biến lãi suất trên thị trường.

1.3. Lạm phát

Lạm phát là một trong những vấn đề trọng tâm của nền kinh tế của một quốc gia. Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Lạm phát duy trì ở mức vừa phải sẽ có tác động kích thích sản xuất, ngược lại, nếu ở mức cao sẽ làm suy giảm tổng cầu, trở thành lực cản cho tăng trưởng kinh tế. Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã thành công trong việc duy trì lạm phát ở mức vừa phải, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế. Rủi ro lạm phát gia tăng trong bối cảnh giá cả hàng hóa cơ bản và chi phí hậu cần gia tăng. CPI năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021, CPI 9 tháng đầu năm 2023 tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 2: CPI bình quân giai đoạn 2010 – 2022 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Rủi ro lạm phát là một dạng rủi ro hệ thống, tác động toàn diện đến toàn bộ nền kinh tế và các chủ thể tham gia. Trong khi đó, thị trường chứng khoán được xem là “phong vũ biểu” của nền kinh tế và có mối liên kết chặt chẽ với sức khỏe nền kinh tế. Một khi rủi ro lạm phát cao xảy ra sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán, làm suy giảm giá trị danh mục đầu tư của TCSC và các hoạt động kinh doanh khác. Do vậy, để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, TCSC luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.

1.4. Ngoại hối

Kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, độ mở của nền kinh tế lớn, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng hàng năm. Trong những năm vừa qua, Việt Nam luôn có thặng dư thương mại, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, điều đó một phần nhờ thị trường ngoại hối Việt Nam ổn định.

Tỷ giá hối đoái ổn định là một trong những yếu tố giúp thu hút vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài. Đó là những nguồn vốn bên ngoài tạo nên lực đẩy tăng trưởng kinh tế đi lên. Tuy nhiên, tình hình thế giới biến động khôn lường ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường ngoại hối, gây rủi ro cho việc dịch chuyển dòng vốn ra vào, đòi hỏi cần có nguồn dự trữ ngoại hối đủ mạnh để ổn định tình hình. Trong những năm vừa qua, nhờ thành tựu tăng trưởng kinh tế mà Việt Nam đã có nguồn dự trữ ngoại hối đủ mạnh để có thể can thiệp khi cần thiết, điều đó thể hiện qua sự ổn định của tỷ giá theo hướng có lợi cho nền kinh tế.

Hoạt động kinh doanh của TCSC hầu hết không dùng ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng trực tiếp khi tỷ giá biến động mà bị ảnh hưởng gián tiếp thông qua sự biến động của nền kinh tế và thị trường vốn. Khi nền kinh tế và thị trường ngoại hối biến động bất lợi, tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến danh mục đầu tư và hoạt động kinh doanh khác của TCSC. Do vậy, để hạn chế rủi ro trên, TCSC luôn xem trọng vấn đề phân tích, dự báo tình hình, thường xuyên cập nhật kinh tế vĩ mô để đưa ra quyết định kinh doanh phù hợp.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần trong lĩnh vực chứng khoán, hoạt động của TCSC chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, khung pháp lý dần được hoàn thiện tương ứng với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hệ quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động kinh doanh của TCSC.

Để hạn chế rủi ro này, TCSC chú trọng việc xây dựng hệ thống quản trị và kiểm soát chặt chẽ, nhưng cũng linh hoạt kịp thời bổ sung, cập nhật quy định pháp luật mới để phù hợp với thực tế và hạn chế rủi ro phát sinh.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro hoạt động cung cấp dịch vụ môi giới

Hoạt động môi giới là hoạt động truyền thống của các công ty chứng khoán, hầu hết các công ty chứng khoán đều triển khai dịch vụ này. Rủi ro từ hoạt động này chủ yếu xảy ra ở hai khía cạnh:

- Rủi ro đạo đức nghề nghiệp của nhân viên hành nghề môi giới như vi phạm các chuẩn mực, quy định nhằm trục lợi cá nhân thông qua các hành vi giả mạo, gian dối, hay thực hiện các giao dịch gây xung đột lợi ích giữa khách hàng và cá nhân, từ đó gây tổn thất cho khách hàng và chính công ty chứng khoán.
- Rủi ro sai sót, nhầm lẫn khi thực hiện các giao dịch cho nhiều khách hàng với tần suất lớn do áp lực phải thực hiện nhanh chóng, chính xác và khối lượng lớn.

Nhận thức rủi ro này ngay từ những ngày đầu, TCSC đã xây dựng hệ thống quy trình chặt chẽ, kiểm soát nhiều cấp, đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản trị rủi ro nhằm giảm thiểu rủi ro mang yếu tố con người. Đồng thời, các nhân sự được đào tạo, tuyển chọn, thực hiện cẩn thận, phù hợp với từng vị trí công việc và thường xuyên nhắc nhở, cập nhật và nâng cao nhận thức rủi ro hoạt động này.

3.2. Rủi ro hoạt động tự doanh

Rủi ro hoạt động tự doanh phát sinh chủ yếu từ việc suy giảm trong giá trị danh mục đầu tư của TCSC. Để giảm thiểu rủi ro hoạt động này có thể được thực hiện thông qua việc xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả, phân bổ tài sản một cách hợp lý và lựa chọn cổ phiếu phù hợp với mục tiêu quản lý danh mục trong từng giai đoạn phát triển của thị trường. Để có được điều này, cần sự nhạy bén, kinh nghiệm của nhân sự quản lý danh mục đầu tư. Hiện nay, hoạt động tự doanh của TCSC nhận được sự quan tâm đặc biệt của ban lãnh đạo công ty và được quản lý bởi nhân sự giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán, có tầm nhìn chiến lược về thị trường và được hỗ trợ bởi đội ngũ chuyên nghiệp. Do vậy, hoạt động này đã phát huy hiệu quả tích cực, danh mục đầu tư tăng trưởng, góp phần chủ yếu vào hiệu quả kinh doanh của TCSC trong những năm qua.

3.3. Rủi ro cho vay giao dịch ký quỹ

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính nhằm hỗ trợ cho các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả nhờ cơ chế đòn bẩy. Ngoài ra, cho vay giao dịch ký quỹ là một trong những hoạt động mang lại nguồn thu lớn cho công ty chứng khoán, đối với một số công ty chứng khoán, đó là nguồn thu chính, vì vậy, hoạt động này chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn, ảnh hưởng trực tiếp lợi nhuận của công ty chứng khoán. Rủi ro này phát sinh do những nguyên nhân sau:

- Chi thu hồi được một phần hoặc không thể thu hồi được toàn bộ số tiền cho vay, lãi cho vay của khách hàng khi khách hàng không có khả năng hoàn trả do tình hình diễn biến thị trường không thuận lợi làm cho giá cổ phiếu rớt nhanh hoặc mất thanh khoản, khiến công tác xử lý cổ phiếu để thu hồi nợ diễn ra khó khăn và không hiệu quả.
- Khách hàng vay không tuân thủ hoặc chối bỏ trách nhiệm trong việc bổ sung tài sản hoặc trả nợ cho công ty chứng khoán trong trường hợp giá cổ phiếu cho vay ký quỹ rớt nhanh chóng làm cho giá trị cổ phiếu thấp hơn mức cho vay của công ty chứng khoán.

Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro này, TCSC đã xây dựng bộ máy kiểm soát và quản trị rủi ro, đứng đầu là một Phó Tổng Giám đốc phụ trách bộ phận quản trị rủi ro, bộ phận kiểm soát nội bộ cùng với hệ thống quy trình chặt chẽ và chế độ báo cáo thường xuyên, hàng ngày, hàng tuần, tháng, để kịp thời ứng phó, xử lý những tình huống cấp thiết. Ngoài ra, TCSC cũng thường xuyên rà soát, đánh lại giá lại danh mục cổ phiếu cho vay ký quỹ để có những điều chỉnh kịp thời tỷ lệ cho vay, đối tượng cho vay, khối lượng cổ phiếu cho vay phù hợp với từng thời điểm, giai đoạn của thị trường.

3.4. Rủi ro nguồn nhân lực

Những biến động liên tục trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán trong thời gian gần đây tạo ra những thay đổi lớn về nhân sự và tạo áp lực cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành trong việc lôi kéo, giữ chân nhân sự chất lượng cao. Trong lĩnh vực chứng khoán, một lĩnh vực đặc thù đòi hỏi sự tích lũy kinh nghiệm, độ chính xác và nhạy bén cao, trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi và khả năng chịu áp lực, thì

đội ngũ nhân sự là yếu tố cạnh tranh mang tính quyết định. Khi nền kinh tế và thị trường chứng khoán bắt đầu hồi phục trở lại, nhu cầu sử dụng nhân sự càng tăng nóng, thì nguồn nhân sự càng trở nên khan hiếm.

Nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố con người và hạn chế những rủi ro có thể xảy ra liên quan đến nguồn nhân lực, TCSC đã có những chính sách hợp lý về mặt nhân sự kể từ khi mới thành lập. TCSC đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo để mỗi nhân viên có điều kiện trang bị thêm kiến thức cũng như các kỹ năng nghề nghiệp cho mình. Ngoài ra, các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, điều kiện làm việc luôn được TCSC chú tâm duy trì nhằm đem lại môi trường làm việc tốt và hiệu quả nhất cho các cán bộ nhân viên.

3.5. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán xảy ra khi TCSC không đủ số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày như thanh toán bù trừ với VSDC, thanh toán các nghĩa vụ đến hạn của TCSC với khách hàng, đối tác hoặc các cơ quan ban ngành có liên quan. Nếu rủi ro này phát sinh có khả năng sẽ làm hạn chế, gián đoạn hoạt động giao dịch chứng khoán từ đó có thể ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch của khách hàng.

Tuy nhiên, rủi ro này tại TCSC là rất thấp, bởi lẽ TCSC luôn duy trì khả năng thanh toán cao, tỷ lệ vốn khả dụng luôn ở mức đảm bảo an toàn và thanh khoản cao. Ngoài ra, việc tính toán và cân đối nguồn vốn luôn được ban lãnh đạo TCSC chú trọng và phải lên kế hoạch trước hàng quý, hàng tháng, hàng tuần và thậm chí là hàng ngày trước khi các giao dịch được thực hiện. Trong các kế hoạch cân đối nguồn vốn luôn đưa ra nhiều tình huống khác nhau để dự phòng. Trong trường hợp xấu nhất TCSC vẫn đủ khả năng thanh toán và bảo đảm quyền lợi của khách hàng.

3.6. Rủi ro cạnh tranh

Cuộc chiến cạnh tranh giành thị phần giữa các công ty chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng trở nên gay gắt. Trong đó, cuộc cạnh tranh giảm phí mỗi giới, phí tư vấn để thu hút khách hàng có ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của các công ty chứng khoán. Ngoài ra, cuộc chạy đua về công nghệ, mặt bằng kinh doanh... làm cho chi phí vận hành và đầu tư phát triển doanh nghiệp ngày càng cao.

Mặc dù vậy, cạnh tranh cũng tạo động lực và cơ hội vươn lên cho các công ty chứng khoán năng động, có chiến lược phát triển kinh doanh và chính sách nhân sự hợp lý.

Nhận thức được sự cạnh tranh khốc liệt, TCSC chủ trương “tránh đối đầu trực tiếp”, không chạy đua theo thị trường mà định vị lại “bản thân”, xác định thị trường mục tiêu khác biệt, khai thác thị trường ngách phù hợp với điều kiện và tầm nhìn chiến lược của TCSC. Tập trung vào khách hàng tổ chức và cá nhân chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, phát triển sản phẩm dịch vụ chuyên biệt và chú trọng vào việc nâng cấp dịch vụ tư vấn đầu tư để thu hút khách hàng VIP. Nhờ vậy, hiệu quả hoạt động kinh doanh của TCSC trong những năm qua cải thiện đáng kể, cho thấy sự đúng đắn trong chủ trương và chiến lược cạnh tranh của TCSC.

3.7. Rủi ro công nghệ và an toàn hệ thống

Hoạt động giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua tài khoản của khách hàng và quản lý bởi hệ thống phần mềm của TCSC, do vậy, rủi ro công nghệ và an toàn hệ thống ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của khách hàng và hoạt động của TCSC.

Các loại rủi ro thông thường như lỗi phần mềm trên các ứng dụng, thiết bị công nghệ, lỗi đường truyền, bảo mật,... nếu xảy ra đều có thể gây ảnh hưởng đến giao dịch, thất thoát dữ liệu làm giảm hiệu quả hoạt động, gây ra những thất thoát về tài chính cho khách hàng và cho chính TCSC.

Để hạn chế rủi ro này, TCSC đã và đang không ngừng đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tăng cường tính bảo mật, đường truyền, chuẩn bị trước các kịch bản ứng phó rủi ro có thể xảy ra.

4. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn,... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của TCSC.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

| | |
|----------------------------|--|
| Ông: Nguyễn Khánh Linh | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông: Nguyễn Đức Hiếu | Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| Ông: Trịnh Tấn Lực | Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Người phụ trách quản trị Công ty |
| Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| Bà: Trần Thị Nhân | Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|---------|---|
| - BCTC | : Báo cáo tài chính |
| - BKS | : Ban Kiểm soát |
| - CBTT | : Công bố thông tin |
| - CCCD | : Căn cước công dân |
| - CMND | : Chứng minh nhân dân |
| - CTCK | : Công ty chứng khoán |
| - CTCP | : Công ty Cổ phần |
| - ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| - ĐVT | : Đơn vị tính |
| - GDP | : Tổng sản phẩm quốc nội |
| - HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| - HĐTV | : Hội đồng thành viên |
| - HOSE | : Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| - LNST | : Lợi nhuận sau thuế |
| - NHNN | : Ngân hàng Nhà Nước |
| - TCSC | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công |
| - TCI | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công |
| - TGD | : Tổng Giám đốc |
| - TNDN | : Thu nhập doanh nghiệp |
| - TSCĐ | : Tài sản cố định |
| - TTCK | : Thị trường Chứng khoán |

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Upcom : Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Unlisted Public Company Market)
- VDL : Vốn điều lệ
- VND : Việt Nam Đồng
- VSDC : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
- Tên Tiếng Anh : THANHCÔNG SECURITIES COMPANY
- Tên viết tắt : TCSC
- Trụ sở chính : Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 3827 0527
- Fax : (028) 3821 8010
- Email : info@tcsc.vn
- Website : www.tcsc.vn
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.009.799.820.000 đồng (Một nghìn không trăm lẻ chín tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp : 1.009.799.820.000 đồng (Một nghìn không trăm lẻ chín tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng)
- Ngày đầu tiên đăng ký giao dịch : 05/09/2018
- Logo : 
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Khánh Linh
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0305477911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày ngày 31/01/2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12/12/2022
- Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 81/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 31/01/2008
- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 01/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/01/2023

Ngành nghề kinh doanh: : TCSC đã đăng ký và được phép thực hiện tất cả các loại hình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với một công ty chứng khoán, cụ thể:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Ngoài ra, Công ty còn cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ tài chính.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

- 31/01/2008 : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công chính thức được phép thành lập theo giấy phép số 81/UBCK-GP ngày 31/01/2008 do UBCKNN cấp, với 03 nghiệp vụ kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tự doanh chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu của TCSC là 360 tỷ đồng. Trụ sở chính đặt tại: Số 36 đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 01/02/2008 : TCSC chính thức bắt đầu hoạt động kinh doanh.
- 06/03/2008 : TCSC trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) với giấy phép số 88/GCNTVLK.
- 24/06/2008 : TCSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HaSTC).
- 25/06/2008 : TCSC được chính thức công nhận là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).
- 16/08/2008 : TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất.
- 09/09/2008 : TCSC tổ chức lễ khai trương và thông báo việc liên kết với đối tác chiến lược Thái Lan - Công ty Đại chứng Chứng khoán Seamico.
- 12/01/2009 : TCSC đủ tiêu chuẩn tham gia giao dịch trực tuyến và giao dịch qua Website tại HOSE.
- 31/03/2009 : TCSC đủ tiêu chuẩn tham gia giao dịch từ xa tại HaSTC.
- 29/04/2009 : Seamico chính thức mua lại 18,88% cổ phần TCSC từ các cổ đông hiện hữu để trở thành đối tác chiến lược của TCSC.
- 13/05/2009 : Thành lập chi nhánh Hà Nội theo quyết định 301/QĐ-UBCK với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
- 27/05/2009 : Bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quyết định số 238/UBCK-GP.
- 04/06/2009 : TCSC được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng.
- 28/01/2010 : Dời trụ sở chính về Lầu 3&5, Tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.
- 12/03/2010 : TCSC được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại HNX.

- 11/05/2010 : Đóng cửa chi nhánh Hà Nội.
- 14/06/2010 : Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường.
- 11/11/2010 : TCSC được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.
- 24/11/2010 : TCSC được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại HNX.
- 27/09/2011 : TCSC triển khai nghiệp vụ giao dịch ký quỹ.
- 20/10/2015 : Dời trụ sở chính về Lầu 5, số 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
- 05/09/2018 : Giao dịch ngày đầu tiên trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- 20/11/2018 : Dời trụ sở chính về Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
- 15/01/2021 : Công ty tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ lên 495 tỷ đồng.
- 16/11/2021 : Công ty tăng vốn điều lệ từ 495 tỷ lên 1.009,8 tỷ đồng.
- 07/10/2022 : Công ty nhận giải thưởng “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh” tại lễ trao giải Asia Pacific Enterprise Awards (APEA) 2022.
- 29/12/2022 : Công ty tham gia góp vốn thành lập Quỹ Đầu tư Thành Công.
- 16/01/2023 : Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng của UBCK.
- 27/02/2023 : Công ty chính thức ra mắt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công (Công ty con của Công ty) sau khi hoàn tất việc mua lại lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực và hoàn tất các thủ tục chuyển đổi trở thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công.
- 08/08/2023 : Công ty nhận giải thưởng “Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu” tại Diễn đàn cấp cao Cổ vấn tài chính Việt Nam 2023.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua 02 lần tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

| Thời điểm góp vốn ban đầu/ tăng vốn | Vốn điều lệ ban đầu/ sau khi tăng (nghìn đồng) | Giá trị vốn góp ban đầu/ tăng thêm (nghìn đồng) | Góp vốn ban đầu/ tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|-------------------------------------|--|---|---------------------------|---|
| Tháng 01 năm 2008 | 360.000.000 | - | Vốn góp ban đầu | Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31/01/2008. |

0531-C
 GIAO DỊCH
 NG KH
 LÀNH PH
 CHÍ MI
 TP. HỒ

11/03/2024
 1/11

| Thời điểm góp vốn ban đầu/tăng vốn | Vốn điều lệ ban đầu/ sau khi tăng (nghìn đồng) | Giá trị vốn góp ban đầu/ tăng thêm (nghìn đồng) | Góp vốn ban đầu/ tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|------------------------------------|--|---|--|---|
| Tháng 01 năm 2021 | 495.000.000 | 135.000.000 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | <p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30/05/2020.</p> <p>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2020/NQ-HĐQT ngày 14/08/2020.</p> <p>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/2020/NQ-HĐQT ngày 05/09/2020.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 271/GCN-UBCK ngày 18/11/2020 của UBCKNN.</p> <p>Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 04/2021/BCKQPH ngày 15/01/2021.</p> <p>Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/02/2021.</p> |
| Tháng 11 năm 2021 | 1.009.799.820 | 514.799.820 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 | <p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 09/06/2021.</p> <p>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/2021/NQ-HĐQT ngày 22/06/2021.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 153/GCN-UBCK ngày 25/08/2021 của UBCKNN.</p> <p>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2021/NQ-HĐQT ngày 30/08/2021.</p> <p>Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 167/2021/BC-TCSC ngày 17/11/2021.</p> <p>Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số</p> |

| Thời điểm góp vốn ban đầu/tăng vốn | Vốn điều lệ ban đầu/ sau khi tăng (nghìn đồng) | Giá trị vốn góp ban đầu/ tăng thêm (nghìn đồng) | Góp vốn ban đầu/ tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|------------------------------------|--|---|---------------------------|--|
| | | | | 116/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/12/2021. |

Nguồn: TCSC

Thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt tăng vốn trong năm 2021

Đợt tháng 01 năm 2021

Tháng 01 năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án chào bán đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30/05/2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 25/01/2021. Phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty đã được phê duyệt cụ thể như sau:

| STT | Mục đích sử dụng vốn | Theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua (tỷ đồng) | Theo thực tế số tiền thu được từ đợt chào bán (tỷ đồng) |
|------------------|-----------------------------------|--|---|
| 1 | Cho vay giao dịch ký quỹ (margin) | 104 | 104 |
| 2 | Tự doanh | 40 | 31 |
| Tổng cộng | | 144 | 135 |

Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trong tháng 01 năm 2021 của Công ty, Công ty đã sử dụng toàn bộ số vốn tăng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 25/01/2021 cụ thể như sau:

| STT | Mục đích | Số tiền (tỷ đồng) |
|------------------|-----------------------------------|-------------------|
| 1 | Cho vay giao dịch ký quỹ (margin) | 104 |
| 2 | Tự doanh | 31 |
| Tổng cộng | | 135 |

Ý kiến của kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu trong tháng 01 năm 2021 tăng vốn thêm 135.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số II.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn”.

Đợt tháng 11 năm 2021

Tháng 11 năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án chào bán và phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 09/06/2021. Phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện

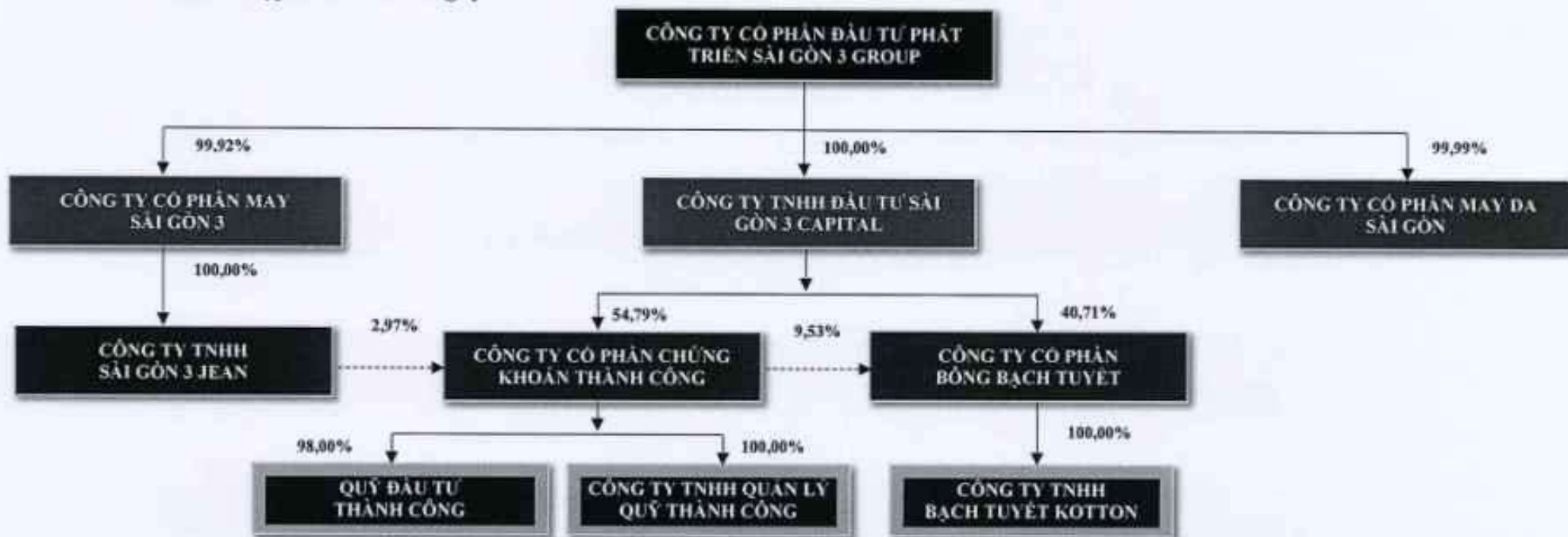
hữu của Công ty đã được phê duyệt như sau: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 495.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng vào mục đích cho vay giao dịch ký quỹ (margin).

Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu theo thông báo chào bán chứng khoán ra công chúng ngày 30/08/2021 của Công ty, Công ty đã sử dụng toàn bộ số vốn tăng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 09/06/2021 và Thông báo chào bán chứng khoán ra công chúng ngày 30/08/2021 để cho vay giao dịch ký quỹ.

Ý kiến của kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo Thông báo chào bán chứng khoán ra công chúng ngày 30/08/2021 tăng vốn thêm 495.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số II.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn".*

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức Tập đoàn của Công ty



Nguồn: TCSC

Ghi chú: HĐQT Công ty đã thông qua việc mua lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực (Hợp Lực) theo Nghị quyết HĐQT số 19/2022/NQ-HĐQT ngày 20/05/2022. Ngày 26/10/2022, UBCKNN đã ban hành Quyết định số 788/QĐ-UBCK về việc chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho Hợp Lực. Ngày 10/11/2022, TCSC đã hoàn tất việc thực hiện mua lại 100% cổ phần của Hợp Lực và chính thức kiểm soát Hợp Lực theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 12/GCN-2022 của Hợp Lực cấp cho TCSC ngày 10/11/2022. Ngày 31/01/2023, UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 01/GP-UBCK cho Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (được chuyển đổi từ Công ty cổ phần Quản lý quỹ Hợp Lực).



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Hiện tại, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công đang áp dụng mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và phòng ban chức năng. Các bộ phận thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể. TCSC thực hiện quy định phân cấp thẩm quyền ra quyết định đối với từng cấp quản trị tại quy chế quản trị.

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (“BKS”) là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định Pháp luật. BKS của Công ty hiện tại gồm ba (03) thành viên, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT của Công ty hiện tại có năm (05) thành viên.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đứng đầu ban điều hành, thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phòng Môi giới chứng khoán

Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động môi giới và thực hiện các giao dịch chứng khoán cho Nhà đầu tư. Khai thác, phát triển mạng lưới khách hàng và phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tài chính thực hiện các dịch vụ tài chính hỗ trợ giao dịch chứng khoán như cầm cố chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Bên cạnh đó, Phòng môi giới có nhiệm vụ xây dựng, kiểm soát, cải tiến quy trình, chính sách, biểu mẫu cần thiết cho các hoạt động: môi giới chứng khoán, giao dịch ký quỹ, quản lý khách hàng, quản lý ủy thác tài khoản giao dịch chứng khoán.

Phòng Phân tích và tư vấn đầu tư

Thực hiện các báo cáo phân tích hàng ngày, báo cáo phân tích công ty và các báo cáo chuyên đề nhằm cung cấp các tư vấn đầu tư cho khách hàng. Song song đó, một số báo cáo chuyên sâu theo đơn đặt hàng từ các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước cũng được thực hiện khi có yêu cầu.

Phòng Đầu tư

Thực hiện hoạt động đầu tư và xây dựng các danh mục đầu tư theo từng thời kỳ.

Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành

Thực hiện hoạt động tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu, đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn quản trị công ty và các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác.

Phòng Lưu ký và hỗ trợ nghiệp vụ

Tiếp nhận và xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động lưu ký chứng khoán của các nhà đầu tư. Thực hiện nghiệp vụ quản lý cổ đông theo ủy quyền của các tổ chức phát hành; Phối hợp cùng các bộ phận có liên quan khác thực hiện tổ chức đại hội cổ đông cho khách hàng; Xây dựng, kiểm soát, cải tiến quy trình, chính sách, biểu mẫu cần thiết cho các dịch vụ: lưu ký chứng khoán, quản lý cổ đông và tổ chức đại hội cổ đông cho khách hàng.

Đầu mối tiếp nhận hồ sơ mở tài khoản cho khách hàng, cung cấp các dịch vụ khách hàng như cung cấp các báo cáo, xác nhận số dư chứng khoán, số dư tiền và trả lời các thắc mắc, yêu cầu về dịch vụ của khách hàng. Phối hợp với các phòng ban liên quan thực hiện các hoạt động phát triển và chăm sóc khách hàng. Xây dựng, kiểm soát, cải tiến quy trình, biểu mẫu cần thiết cho hoạt động quản lý giao dịch chứng khoán của khách hàng.

Phòng Kế toán tài chính

Ghi nhận và hạch toán, thống kê, phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, liên tục, có hệ thống các hoạt động tài chính, vật tư, tiền vốn và lao động của Công ty theo đúng chế độ quy định kế toán.

Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê tài chính, vật tư, đánh giá đúng đắn và kịp thời các kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và các bộ phận cho các cơ quan chức năng quản lý của Công ty, lãnh đạo Công ty, và các phòng ban.

Điều phối chính xác và kịp thời các hoạt động tài chính của Công ty và các bộ phận để phục vụ kịp thời cho các hoạt động kinh doanh cho Công ty và các bộ phận.

Phòng Công nghệ thông tin

Tổ chức vận hành, quản lý, kiểm soát hoạt động của hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán. Đảm bảo mọi hoạt động liên quan của hệ thống được vận hành đồng bộ và chính xác.

Chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động về công nghệ đáp ứng yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các Sở giao dịch chứng khoán.

Phòng Hành chính nhân sự

Tư vấn và tham mưu cho Tổng Giám đốc về các hoạt động: hoạch định nhân sự, xây dựng chính sách đãi ngộ, xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức, ...

Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ tuyển dụng, đào tạo, quản lý nhân viên và lương thưởng.

Đại diện giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động giữa TCSC với người lao động, với các tổ chức liên quan.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Cổ đông lớn của TCSC đồng thời cũng là Công ty mẹ

Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn tại ngày 26/09/2023

| Tên cổ đông | Địa chỉ | Số ĐKKD | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---------------------------------------|---|------------|-----------------------------|------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh | 0313632180 | 55.328.436 | 54,79% |

Nguồn: Theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 26/09/2023

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

TCSC thành lập từ năm 2008 nên cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng theo quy định.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 26/09/2023

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông (người) | Số cổ phần (cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 6.319 | 100.630.853 | 99,65 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 11 | 58.771.473 | 58,20 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 6.308 | 41.859.380 | 41,45 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 20 | 349.129 | 0,35 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 1 | 4.000 | 0,01 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 19 | 345.129 | 0,34 |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |
| Tổng cộng | | 6.339 | 100.979.982 | 100,00 |

Nguồn: Theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 26/09/2023

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên công ty mẹ: Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
- Tên viết tắt: Sai Gon 3 Capital Co., Ltd
- Giấy chứng nhận ĐKDN: SỐ 0313632180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/01/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20/04/2023
- Vốn điều lệ: 690.000.000.000 (Sáu trăm chín mươi tỷ) đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Viết Lan Anh
Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phiếu TCI nắm giữ: 55.328.436 cổ phiếu (theo danh sách cổ đông tại ngày 26/09/2023)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 54,79%
- Tỷ lệ biểu quyết: 54,79%

5.2. Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

5.2.1. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công

- Tên công ty con: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công
- Tên viết tắt: TCAM

- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 01/GP-UBCK cấp ngày 31/01/2023, Giấy phép này thay Giấy phép thành lập và hoạt động số 35/UBCK-GP ngày 13/5/2008 do Chủ tịch UBCKNN cấp cho Công ty cổ phần Quản lý quỹ Hợp Lực.
- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 44/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2023
- Hoạt động kinh doanh chính
 - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
 - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 550 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đông Hải
Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Tỷ lệ biểu quyết: 100%.

5.2.2. Quỹ Đầu tư Thành Công

- Tên viết tắt: TCIF
- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên: Giấy chứng nhận số 72/GCN-UCBK ngày 29/12/2022
- Vốn điều lệ của quỹ: 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng.
- Mệnh giá chứng chỉ quỹ: 10.000 đồng
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 5.000.000 chứng chỉ quỹ
- Tỷ lệ vốn góp: 98%.

5.3. Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Nêu tại Mục 5.2.

5.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Nêu tại Mục 5.1.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Giá trị dịch vụ qua các năm

Hoạt động kinh doanh của TCSC tập trung vào các mảng sau:

✦ Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán

- Lập tài khoản giao dịch cho khách hàng.
- Nhận và thực thi lệnh mua/bán chứng khoán từ khách hàng.
- Lưu ký chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán.

- Môi giới những giao dịch số lượng lớn, thông báo đến khách hàng kết quả giao dịch bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc điện thoại sau mỗi phiên giao dịch.
- Cập nhật thông tin thị trường cho khách hàng bằng bản tin ngày, báo cáo phân tích của công ty và các báo cáo chuyên đề khác.
- Tư vấn chiến lược đầu tư cho khách hàng thông qua những phân tích về tình hình kinh tế tổng quan, ngành, công ty,

Là hoạt động mà Công ty đứng ra làm trung gian giao dịch (mua, bán) chứng khoán cho nhà đầu tư. Với triết lý kinh doanh “Chất lượng nền tảng tạo nên sự khác biệt”, TCSC không ngừng nghiên cứu, phát triển ứng dụng công nghệ từ hệ thống phần mềm lõi để cung cấp tới nhà đầu tư hàng loạt các dịch vụ giá trị gia tăng trực tuyến, giúp nhà đầu tư giao dịch một cách thuận tiện và hiệu quả. Ngoài khả năng hỗ trợ bám sát và phân tích thị trường để khách hàng có thể quản lý danh mục đầu tư hiệu quả, bộ sản phẩm giao dịch trực tuyến của TCSC còn giúp khách hàng đầu tư linh hoạt thông qua hàng loạt các công cụ được “trực tuyến hoá” như giao dịch qua Internet, giao dịch qua hệ thống Call Center, giao dịch qua điện thoại di động thông qua kết nối Wifi hoặc 3G/4G.

✦ **Dịch vụ Ngân hàng đầu tư**

Tư vấn đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn niêm yết chứng khoán trên các sở giao dịch chứng khoán; Tư vấn phát hành chứng khoán; Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A); Tư vấn quản trị công ty và dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác.

✦ **Lưu ký chứng khoán**

Cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán có liên quan theo quy định pháp luật với tư cách là một thành viên lưu ký của VSDC.

✦ **Dịch vụ tài chính**

Cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính như ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ....

✦ **Tự doanh**

Hoạt động tự doanh được thực hiện theo nguyên tắc: đầu tư vào các công ty có kết quả kinh doanh tốt và thuộc nhóm ngành cơ bản. Tổng ngân sách đầu tư được HĐQT phê duyệt theo từng lần.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Cơ cấu doanh thu | Năm 2020 | | Năm 2021 | | % tăng/ giảm (2021/ 2020) | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/ 2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|--|----------------|---------------|----------------|---------------|------------------------------------|----------------|---------------|------------------------------------|-------------------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 99.219 | 68,95 | 155.851 | 49,17 | 57,08 | 53.452 | 25,19 | (65,70) | 24.908 | 23,34 |
| Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 7.106 | 4,94 | 10.479 | 3,31 | 47,47 | 15.508 | 7,31 | 47,99 | 13.067 | 12,24 |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 18.036 | 12,53 | 58.186 | 18,36 | 222,61 | 67.463 | 31,79 | 15,94 | 33.689 | 31,56 |
| Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | - | - | 2.979 | 0,94 | N/A | 3.253 | 1,53 | 9,18 | 11.550 | 10,82 |
| Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 13.643 | 9,48 | 51.858 | 16,36 | 280,10 | 36.515 | 17,21 | (29,59) | 18.722 | 17,54 |
| Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 4.200 | 2,92 | 24.955 | 7,87 | 494,17 | 34.261 | 16,14 | 37,29 | 3.448 | 3,23 |
| Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 1.280 | 0,89 | 11.570 | 3,65 | 803,79 | 76 | 0,04 | (99,34) | 45 | - |
| Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 146 | 0,10 | 526 | 0,17 | 259,09 | 989 | 0,47 | 88,02 | 809 | 0,76 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 12 | 0,01 | 113 | 0,04 | 841,67 | 145 | 0,07 | 28,72 | 100 | 0,09 |
| Thu nhập hoạt động khác | 259 | 0,18 | 440 | 0,14 | 70,02 | 555 | 0,26 | 26,30 | 401 | 0,38 |
| Tổng cộng | 143.902 | 100,00 | 316.957 | 100,00 | 120,26 | 212.217 | 100,00 | (33,05) | 106.740 | 100,00 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Cơ cấu doanh thu | Năm 2021 | | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/ 2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|--|----------------|---------------|----------------|---------------|------------------------------------|----------------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 155.851 | 49,17 | 53.452 | 25,18 | (65,70) | 48.239 | 36,96 |
| Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 10.479 | 3,31 | 15.508 | 7,31 | 47,99 | 13.067 | 10,01 |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 58.186 | 18,36 | 67.463 | 31,78 | 15,94 | 33.689 | 25,81 |
| Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 2.979 | 0,94 | 3.253 | 1,53 | 9,17 | 11.850 | 9,08 |
| Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 51.858 | 16,36 | 36.515 | 17,20 | (29,59) | 18.596 | 14,25 |
| Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 24.955 | 7,87 | 34.261 | 16,14 | 37,29 | 3.448 | 2,64 |
| Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 11.570 | 3,65 | 76 | 0,04 | (99,34) | 45 | 0,03 |
| Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 526 | 0,17 | 989 | 0,47 | 88,02 | 805 | 0,62 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 113 | 0,04 | 145 | 0,07 | 28,72 | 100 | 0,08 |
| Thu nhập hoạt động khác | 440 | 0,14 | 620 | 0,29 | 41,13 | 693 | 0,53 |
| Tổng cộng | 316.957 | 100,00 | 212.282 | 100,00 | (33,02) | 130.531 | 100,00 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Ghi chú: Các năm trước năm 2022, TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm 2022, TCSC ghi nhận doanh thu hoạt động hợp nhất đạt khoảng 212 tỷ đồng, giảm hơn 33% so với năm 2021. Kết quả này là do sự sụt giảm chung của TTCK Việt Nam. Điều này đã tác động rõ rệt đến các nguồn thu chính của Công ty, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022 của Công ty phần lớn đến từ lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt hơn 67 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng gần 32% trong doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022, tăng khoảng 16% so với năm 2021.
- Tiếp theo là lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) năm 2022 đạt hơn 53 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 25% trong doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022, giảm gần 66% so với năm 2021.
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán năm 2022 đạt gần 37 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 17% doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022, giảm gần 30% so với năm 2021.
- Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán năm 2022 đạt hơn 34 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 16% trong doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022 và tăng hơn 37% so với năm 2021.
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) năm 2022 đạt hơn 15 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 7% doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022, tăng gần 48% so với năm 2021.
- Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) năm 2022 đạt hơn 3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 1,53% doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022, tăng hơn 9% so với năm 2021.
- Doanh thu từ các hoạt động còn lại năm 2022 như: doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và thu nhập hoạt động khác tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022 nhưng đều có sự tăng trưởng so với năm 2021. Riêng doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán chiếm tỷ trọng không đáng kể trong doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022 (0,04%) nhưng lại giảm đến hơn 99% so với năm 2021.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, Công ty đạt gần 131 tỷ đồng doanh thu hoạt động hợp nhất, trong đó chủ yếu đến từ:

- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), chiếm tỷ trọng 36,96%.
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, chiếm tỷ trọng 25,81%.
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, chiếm tỷ trọng 14,25%.
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), chiếm tỷ trọng 10,01%.
- Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), chiếm tỷ trọng 9,08%.
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chiếm tỷ trọng 2,64%.
- Còn lại các khoản hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ.

6.2. Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 6: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Yếu tố chi phí | Năm 2020 | | Năm 2021 | | % tăng/ giảm (2021/ 2020) | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/ 2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|-------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|---------------------------------|----------------|--------------|---------------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu |
| Chi phí hoạt động | 77.558 | 53,90 | 71.665 | 22,61 | (7,60) | 91.599 | 43,16 | 27,82 | 37.554 | 35,18 |
| Chi phí tài chính | 3.073 | 2,14 | 2.780 | 0,88 | (9,54) | 77.543 | 36,54 | 2.689,51 | 18.561 | 17,39 |
| Chi phí quản lý | 23.822 | 16,55 | 30.717 | 9,69 | 28,94 | 31.114 | 14,66 | 1,29 | 22.856 | 21,41 |
| Tổng cộng | 104.452 | 72,59 | 105.162 | 33,18 | 0,68 | 200.256 | 94,36 | 90,43 | 78.972 | 73,99 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 7: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Yếu tố chi phí | Năm 2021 | | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|-------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-----------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu |
| Chi phí hoạt động | 71.665 | 22,61 | 98.738 | 46,51 | 37,78 | 46.497 | 35,62 |
| Chi phí tài chính | 2.780 | 0,88 | 1.073 | 0,51 | (61,41) | 15.567 | 11,93 |
| Chi phí quản lý | 30.717 | 9,69 | 32.415 | 15,27 | 5,53 | 30.753 | 23,56 |
| Tổng cộng | 105.162 | 33,18 | 132.226 | 62,29 | 25,74 | 92.817 | 71,11 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Ghi chú: các năm trước năm 2022, TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm 2022, chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty khoảng 132 tỷ đồng, tăng gần 26 tỷ đồng so với năm 2021, chiếm hơn 62%/ Doanh thu. 9 tháng đầu năm 2023, chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty khoảng 93 tỷ đồng, chiếm hơn 71%/ Doanh thu.

6.2.1. Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 8: Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Cơ cấu chi phí | Năm 2020 | | Năm 2021 | | % tăng/ giảm (2021/ 2020) | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/ 2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|---|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------------------|---------------|--------------|---------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu |
| Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 58.362 | 40,56 | 17.672 | 5,58 | (69,72) | 34.474 | 16,24 | 95,08 | 14.873 | 13,93 |
| Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 2.539 | 1,76 | 253 | 0,08 | (90,02) | - | - | (100,00) | 99 | 0,09 |
| Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay | 3.568 | 2,48 | 25.391 | 8,01 | 611,66 | 28.277 | 13,32 | 11,37 | 2.227 | 2,09 |
| Chi phí hoạt động tự doanh | 357 | 0,25 | 692 | 0,22 | 94,15 | 372 | 0,18 | (46,31) | 542 | 0,51 |
| Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 12.316 | 8,56 | 26.805 | 8,46 | 117,64 | 26.468 | 12,47 | (1,26) | 19.008 | 17,81 |
| Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | - | - | 110 | 0,03 | N/A | 55 | 0,03 | (49,56) | 11 | 0,01 |
| Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | - | - | - | - | N/A | 780 | 0,37 | N/A | - | - |
| Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 417 | 0,29 | 742 | 0,23 | 78,04 | 1.172 | 0,55 | 57,99 | 795 | 0,74 |
| Tổng cộng | 77.558 | 53,90 | 71.665 | 22,61 | (7,60) | 91.599 | 43,16 | 27,81 | 37.554 | 35,18 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 9: Cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Cơ cấu chi phí | Năm 2021 | | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|---|---------------|--------------|---------------|--------------|--------------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu |
| Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 17.672 | 5,58 | 41.426 | 19,51 | 134,42 | 22.251 | 17,05 |
| Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 253 | 0,08 | - | - | (100,00) | 99 | 0,08 |
| Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay | 25.391 | 8,01 | 28.277 | 13,32 | 11,37 | 2.227 | 1,71 |
| Chi phí hoạt động tự doanh | 692 | 0,22 | 372 | 0,18 | (46,31) | 542 | 0,42 |
| Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 26.805 | 8,46 | 26.468 | 12,47 | (1,26) | 19.007 | 14,56 |
| Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 110 | 0,03 | 55 | 0,03 | (49,56) | 11 | 0,01 |
| Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | - | - | 780 | 0,37 | N/A | - | - |
| Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 742 | 0,23 | 1.172 | 0,55 | 57,99 | 900 | 0,69 |
| Chi phí các dịch vụ khác | - | - | 187 | 0,09 | N/A | 1.459 | 1,12 |
| Tổng cộng | 71.665 | 22,61 | 98.738 | 46,51 | 37,78 | 46.497 | 35,62 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Ghi chú: các năm trước năm 2022, TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhìn chung, chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty phần lớn là chi phí hoạt động, cụ thể:

- Năm 2022, Chi phí hoạt động hợp nhất của Công ty khoảng 99 tỷ đồng, chiếm gần 47%/ Doanh thu, trong đó, lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) khoảng 41 tỷ đồng, chiếm khoảng 19,5%/ Doanh thu, tăng 134,42% so với năm 2021. Tiếp theo là chi phí dự phòng tài

sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay khoảng 28 tỷ đồng, chiếm khoảng 13,3%/ Doanh thu, tăng 11,4% so với năm 2021. Do ảnh hưởng chung của thị trường chứng khoán Việt Nam suy giảm mạnh nên các khoản lỗ từ các tài sản tài chính (FVTPL) và dự phòng/xử lý tổn thất lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay tăng mạnh so với năm 2021. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán khoảng 26 tỷ đồng, chiếm khoảng 12,5%/ Doanh thu. Còn lại, là các chi phí chiếm tỷ trọng khá nhỏ so với doanh thu: nghiệp vụ lưu ký chứng khoán (0,55%/ Doanh thu), chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán (0,37%/ Doanh thu), chi phí hoạt động tự doanh (0,18%/ Doanh thu), chi phí dịch vụ khác (0,09%/ Doanh thu), và chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán (0,03%/ Doanh thu).

- 9 tháng đầu năm 2023, chi phí hoạt động hợp nhất của Công ty khoảng 46 tỷ đồng, chiếm gần 36%/ Doanh thu, trong đó, chi phí hoạt động chủ yếu đến từ các khoản lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (khoảng 22 tỷ đồng, chiếm 17%/ Doanh thu), chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (khoảng 19 tỷ đồng, chiếm 14,6%/ Doanh thu), và chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay (khoảng 2 tỷ, chiếm 1,7%/ Doanh thu).

6.2.2. Cơ cấu chi phí quản lý

Bảng 10: Cơ cấu chi phí quản lý của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Chi phí | Năm 2020 | | Năm 2021 | | % tăng/ giảm (2021/ 2020) | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/ 2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|--|----------|--------------------|----------|--------------------|------------------------------------|----------|--------------------|------------------------------------|-------------------------|--------------------|
| | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu |
| Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương | 17.539 | 12,19 | 23.196 | 7,32 | 32,26 | 18.368 | 8,66 | (20,81) | 14.152 | 13,26 |
| Chi phí văn phòng phẩm | 55 | 0,04 | 68 | 0,02 | 24,85 | 116 | 0,05 | 70,61 | 68 | 0,06 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 282 | 0,20 | 560 | 0,18 | 98,33 | 893 | 0,42 | 59,45 | 663 | 0,62 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 260 | 0,18 | 363 | 0,11 | 39,73 | 443 | 0,21 | 21,92 | 367 | 0,34 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 3 | - | 3 | - | - | 3 | - | - | 3 | - |

| Chi phí | Năm 2020 | | Năm 2021 | | % tăng/ giảm (2021/ 2020) | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/ 2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|---------------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|------------------------------------|---------------|--------------------|------------------------------------|-------------------------|--------------------|
| | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.522 | 1,75 | 2.851 | 0,90 | 13,02 | 4.839 | 2,28 | 69,73 | 3.494 | 3,27 |
| Chi phí khác | 3.161 | 2,20 | 3.676 | 1,16 | 16,29 | 6.453 | 3,04 | 75,53 | 4.108 | 3,85 |
| Tổng cộng | 23.822 | 16,55 | 30.717 | 9,69 | 28,94 | 31.114 | 14,66 | 1,29 | 22.856 | 21,41 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 11: Cơ cấu chi phí quản lý hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Chi phí | Năm 2021 | | Năm 2022 | | % tăng/ giảm (2022/2021) | 9 tháng đầu năm 2023 | |
|--|---------------|--------------------|---------------|--------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | %/ Doanh thu | Giá trị | %/ Doanh thu | | Giá trị | %/ Doanh thu |
| Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương | 23.196 | 7,32 | 18.433 | 8,68 | (20,53) | 15.085 | 11,56 |
| Chi phí văn phòng phẩm | 68 | 0,02 | 123 | 0,06 | 81,14 | 68 | 0,05 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 560 | 0,18 | 893 | 0,42 | 59,45 | 663 | 0,51 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 363 | 0,11 | 1.406 | 0,66 | 287,40 | 390 | 0,30 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 3 | - | 3 | - | - | 15 | 0,01 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.851 | 0,90 | 5.089 | 2,40 | 78,51 | 4.955 | 3,80 |
| Chi phí khác | 3.676 | 1,16 | 6.468 | 3,05 | 75,98 | 9.577 | 7,34 |
| Tổng cộng | 30.717 | 9,69 | 32.415 | 15,27 | 5,53 | 30.753 | 23,56 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Ghi chú: các năm trước năm 2022, TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong cơ cấu chi phí quản lý của Công ty, chủ yếu là đến từ chi phí lương và các khoản trích theo lương chiếm phần lớn, các chi phí khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Năm 2022, do thị trường chung suy giảm, hiệu quả hoạt động kinh doanh Công ty không đạt được như kế hoạch kỳ vọng nên thu nhập chung của người lao động giảm theo. 9 tháng đầu năm 2023, chi phí quản lý của Công ty khoảng 31 tỷ đồng, trong đó, chi phí lương và các khoản trích theo lương vẫn chiếm phần lớn (15 tỷ đồng, chiếm 11,6%/ Doanh thu).

6.2.3. So sánh cơ cấu chi phí với một số công ty chứng khoán

Bảng 12: So sánh chi phí một số công ty chứng khoán năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Tên công ty chứng khoán | Mã chứng khoán | Vốn góp chủ sở hữu | Chi phí hoạt động | %/ Doanh thu | Chi phí quản lý | %/ Doanh thu |
|---|----------------|--------------------|-------------------|--------------|-----------------|--------------|
| CTCP Chứng khoán Guotai Junan | IVS | 693.500 | 32.618 | 45,05 | 31.177 | 43,06 |
| CTCP Chứng khoán Dầu khí | PSI | 598.413 | 327.457 | 67,91 | 42.132 | 8,74 |
| CTCP Chứng khoán Phố Wall | WSS | 503.000 | 43.867 | 126,37 | 8.506 | 24,50 |
| CTCP Chứng khoán Thành Công | TCI | 1.009.800 | 98.738 | 46,51 | 32.415 | 15,27 |
| CTCP Chứng khoán Nhất Việt | VFS | 802.500 | 72.572 | 46,97 | 18.801 | 12,17 |
| CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam | VIG | 451.333 | 12.600 | 17,50 | 55.065 | 76,47 |
| CTCP Chứng khoán Hòa Bình | HBS | 330.000 | 10.772 | 58,47 | 9.975 | 54,14 |

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của các công ty

Bảng 13: So sánh chi phí một số công ty chứng khoán 9 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Tên công ty chứng khoán | Mã chứng khoán | Vốn góp chủ sở hữu | Chi phí hoạt động | %/ Doanh thu | Chi phí quản lý | %/ Doanh thu |
|--|----------------|--------------------|-------------------|--------------|-----------------|--------------|
| CTCP Chứng khoán Guotai Junan | IVS | 693.500 | 10.634 | 17,34 | 19.428 | 31,69 |
| CTCP Chứng khoán Dầu khí | PSI | 598.413 | 125.862 | 55,43 | 30.009 | 13,22 |
| CTCP Chứng khoán Phố Wall | WSS | 503.000 | 32.569 | 60,48 | 5.436 | 10,09 |
| CTCP Chứng khoán Thành Công | TCI | 1.009.800 | 46.497 | 35,62 | 30.753 | 23,56 |
| CTCP Chứng khoán Nhất Việt | VFS | 1.200.000 | 106.407 | 58,50 | 18.644 | 10,25 |
| CTCP Chứng khoán Đầu tư Tài chính Việt Nam (*) | VIG | 451.333 | 6.239 | 21,90 | 7.350 | 25,80 |
| CTCP Chứng khoán Hòa Bình | HBS | 330.000 | 3.670 | 13,37 | 8.859 | 32,27 |

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính Quý III/2023 của các công ty

(*) CTCP Chứng khoán Đầu tư Tài chính Việt Nam tiền thân là CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Ghi chú: số liệu so sánh trên đây được thu thập từ các nguồn khác nhau, tính chính xác có thể không được đảm bảo nên chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư nên tự nghiên cứu, đánh giá và tự chịu trách nhiệm với các quyết định của mình.

6.3. Trình độ công nghệ

6.3.1. Hạ tầng mạng

Hệ thống mạng của TCSC được xây dựng trên tiêu chí không có single point of failure, áp dụng mô hình nhiều lớp theo đúng tiêu chuẩn của hãng bảo mật mạng hàng đầu hiện nay. Với những thiết bị bảo mật như Fortinet, Cisco Firepower, các thiết bị mạng LAN, WAN của Cisco, Dell hiện đại, đồng bộ kết nối tốc độ cao giữa các tầng mạng, hệ thống dữ liệu đảm bảo luân chuyển nhanh và liên tục. Hệ thống mạng LAN được sử dụng lớp mạng đa tầng cùng với đường truyền tốc độ Gigabyte đồng bộ cho cả hệ thống từ máy PC đến server và giữa các switch. Việc quy hoạch mạng phân các tầng ứng dụng cho người dùng riêng rẽ độc lập giúp hệ thống luôn vận hành thông suốt.

Ngoài chú trọng hệ thống mạng, TCSC trang bị một hệ thống tổng đài hiện đại. Hệ thống tổng đài với vai trò hoạt động là call center tích hợp với VOIP nội bộ được chia làm nhiều nhóm với những chức năng khác nhau cho phép nhà đầu tư thuận tiện hơn trong việc đặt lệnh hoặc hỏi đáp thắc mắc liên quan đến tài khoản và giao dịch. Việc giao tiếp, trao đổi công việc trong nội bộ công ty cũng được thực hiện một cách nhanh nhất với chi phí tối ưu.

Các tác vụ đặt lệnh của khách hàng luôn được sao lưu và bảo quản an toàn với hệ thống ghi âm có khả năng lưu trữ đến 10 năm, đáp ứng yêu cầu do UBCK đặt ra, đồng thời đảm bảo việc giải đáp và chăm sóc khách hàng được chu đáo nhất.

TCSC đã trang bị một hệ thống Server đồng bộ của các hãng uy tín trên thế giới như IBM, HP, DELL với các máy servers có cấu hình mạnh được cấu hình Failover Active/Standby, tăng tính sẵn sàng của hệ thống và giúp chạy nhiều ứng dụng khác nhau, đảm bảo dữ liệu kết nối liên tục với máy chủ. Ngoài ra, Công ty lựa chọn sử dụng công nghệ mạng SAN gồm hệ thống tủ đĩa DELL EMC POWERSTORE 1000T, DELL EMC SC5020, IBM STORAGE, hệ thống chuyên mạch DELL SAN Switch Connectrix DS-6505B, Cisco một trong những thiết bị cao cấp với kinh phí đầu tư cao nhằm tăng tính ổn định của hệ thống và an toàn dữ liệu cho khách hàng. Hệ thống SAN với những kết nối chuyên mạch dùng cáp quang tốc độ 16GB cho phép truy xuất dữ liệu nhanh và an toàn. Toàn bộ hệ thống dữ liệu dùng cho mọi hoạt động của Công ty được sử dụng nhiều loại cơ sở dữ liệu khác nhau như Oracle và Microsoft SQL server được sao lưu thường xuyên.

Để đảm bảo an toàn nguồn điện cho toàn bộ hệ thống mạng bao gồm Switch, router, firewall và các máy chủ, FPT IDC trang bị hệ thống bộ lưu điện theo tiêu chuẩn N+1, có khả năng mở rộng và nâng cấp, được định kỳ kiểm thử tối thiểu 6 tháng/1 lần; mỗi module UPS đều có hệ thống pin riêng, và có thể cung cấp điện dự phòng trong 30 phút trong trường hợp đầy tải; trang bị đầy đủ hệ thống chống sét lan truyền, hệ thống phòng cháy và chữa cháy tự động bằng khí FM200, đảm bảo an toàn cho cả thiết bị và con người.

Ngoài ra, còn có các hệ thống cảnh báo qua email, hệ thống cảnh báo qua SMS khi có bất cứ sự thay đổi trong hệ thống mạng trong và ngoài giờ làm việc.

6.3.2. Các phần mềm nghiệp vụ

Nhận thức được tầm quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ tin học phục vụ cho hoạt động kinh doanh, TCSC đã phối hợp với Công ty Cổ phần giải pháp phần mềm tài chính (FSS) triển khai hệ thống core giao dịch Chứng khoán hiện đại và đồng bộ. Đây là phần mềm lõi cho mọi hoạt động quản lý và tác nghiệp của TCSC, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và quy trình nghiệp vụ của công ty chứng khoán. Hệ thống phần mềm được xây dựng trên nền cơ sở dữ liệu Oracle (Oracle Dataguard), đáp ứng rất tốt về tốc độ xử lý cũng

như khả năng bảo mật; đây là một yếu tố hết sức quan trọng trong ngành chứng khoán. Hệ thống giao dịch trực tuyến phục vụ môi giới và khách hàng rất đa dạng:

- TCSC Home Trading System - ứng dụng cài đặt máy tính
- TCSC Web Trading System – Web Trading
- TCSC Mobile App Trading System for Android
- TCSC Mobile App Trading System for IOS

Tính mở của phần mềm lõi rất cao, có khả năng kết nối với nhiều hệ thống khác, đồng thời trực tiếp với nhiều Sở giao dịch chứng khoán trong nước và trên thế giới, giúp TCSC có lợi thế khi thị trường chứng khoán hội nhập với các thị trường trên thế giới. Hiện Công ty cũng đang tích cực triển khai chiến lược nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống theo kế hoạch nâng cấp của Sở giao dịch HOSE và HNX cũng như VSDC đồng thời nhằm phù hợp với quy mô, nhu cầu và xu thế ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của các nghiệp vụ chứng khoán khi thị trường ngày càng phát triển.

6.3.3. Nhân sự IT

Ý thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong ngành chứng khoán, TCSC đặc biệt quan tâm đến yếu tố con người. Phòng Công nghệ thông tin là một trong những phòng được thành lập và hoạt động độc lập để phục vụ tốt cho công tác vận hành, khai thác và phát triển hệ thống thông tin của Công ty. Hàng năm, TCSC đều cử các nhân viên tin học của mình tham gia các khoá học về chuyên môn do các tổ chức có tên tuổi như Oracle, Cisco, Microsoft, HP tổ chức. Với đội ngũ nhân sự tin học mạnh, phòng Công nghệ thông tin của TCSC đang hoạt động tốt và có hiệu quả trong công tác vận hành, khai thác và phát triển hệ thống thông tin của Công ty. Các nhân viên phòng CNTT của TCSC không những có kinh nghiệm chuyên môn về công nghệ thông tin mà còn rất am hiểu về nghiệp vụ chứng khoán nên đã xây dựng thành công nhiều sản phẩm phần mềm phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của Công ty như phần mềm Quản lý Sổ cổ đông, phần mềm tổ chức đại hội đồng cổ đông, hệ thống báo cáo quản trị và một số các phần mềm nghiệp vụ chuyên dụng trong ngành chứng khoán.

6.3.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Là một tổ chức hoạt động trong thị trường chứng khoán, thị trường tài chính, công nghệ luôn được TCSC quan tâm hàng đầu. Sự phát triển của công nghệ sẽ góp phần cho hoạt động kinh doanh được thông suốt và làm giảm chi phí vận hành của TCSC.

Lấy công nghệ hiện đại làm thế mạnh cạnh tranh mũi nhọn với phần mềm lõi tiên tiến có độ mở cao, TCSC đã vận động không ngừng bằng việc xây dựng một đội ngũ công nghệ thông tin hùng hậu và liên tiếp cho ra đời những sản phẩm công nghệ sáng tạo do đội ngũ công nghệ thông tin của Công ty tự phát triển. Thực tế những sản phẩm gia tăng này được đông đảo nhà đầu tư đón nhận và hưởng ứng thời gian qua. TCSC đã không ngừng hoàn thiện, nâng cấp hệ thống và các sản phẩm công nghệ để hỗ trợ khách hàng và hệ thống vận hành của TCSC. Các hệ thống bảng giá trực tuyến, phần mềm giao dịch được TCSC bổ sung nhiều tính năng mới, chạy trên các thiết bị di động với tốc độ và sự ổn định cao.

6.3.5. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

TCSC thành lập bộ phận quản trị rủi ro, hoạt động độc lập với các phòng, ban chuyên môn khác. Bộ phận quản trị rủi ro có chức năng đánh giá toàn bộ rủi ro liên quan đến hoạt động của TCSC. Bên cạnh đó, cùng với sự hỗ trợ và phối hợp của phòng phân tích, các rủi ro liên quan đến nền kinh tế, thị trường chứng khoán, xu hướng biến động lãi suất làm phát sinh các rủi ro tiềm tàng đến hoạt động của TCSC cũng được nghiên cứu đánh giá và cập nhật định kỳ. Việc xây dựng các tiêu chuẩn, hạn mức rủi ro và đánh giá, rà soát định kỳ các chỉ tiêu rủi ro này theo các quy trình đã được phê duyệt sẽ đảm bảo cho hoạt động của TCSC luôn được vận hành liên tục, hạn chế hậu quả của các rủi ro khi phát sinh.

Việc đảm bảo an toàn vốn luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong hoạt động của TCSC. Mọi khoản đầu tư của TCSC đều được nghiên cứu và đánh giá cẩn thận trước khi thực hiện trong đó phương án thoái vốn khỏi các khoản đầu tư cũng luôn được xem xét một cách kỹ lưỡng. Chính vì vậy, việc đảm bảo duy trì và tuân thủ các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật luôn được TCSC tuân thủ một cách nghiêm túc.

Tổng giá trị rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và rủi ro hoạt động của TCSC đạt khoảng 138 tỷ đồng tại thời điểm 30/09/2023. Vốn khả dụng của TCSC cũng tăng mạnh từ mức khoảng 410 tỷ đồng cuối năm 2020 lên mức 1.032 tỷ đồng vào cuối tháng 9 năm 2023. Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng vào thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023 đều đạt mức trên 400%, cao hơn nhiều so với mức 180% theo quy định của Bộ Tài chính.

Bảng 14: Tỷ lệ vốn an toàn khả dụng

Đơn vị: triệu đồng, %

| Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|--------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng giá trị rủi ro thị trường | 33.858 | 39.588 | 53.391 | 55.234 |
| Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 6.904 | 22.906 | 27.473 | 32.585 |
| Tổng giá trị rủi ro hoạt động | 50.000 | 50.000 | 50.000 | 50.000 |
| Tổng giá trị rủi ro | 90.762 | 112.494 | 130.864 | 137.819 |
| Vốn khả dụng | 409.512 | 1.165.124 | 838.494 | 1.032.489 |
| Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng | 451,19% | 1.035,72% | 640,74% | 749,16% |

Nguồn: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán tại ngày 31/12/2020, 31/12/2021, 31/12/2022 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/09/2023

Để quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty, TCSC đã thành lập phòng Quản lý chất lượng (ISO) nhằm mục đích giúp xây dựng các quy trình chuẩn để thực hiện và kiểm soát công việc, phòng ngừa lỗi sai, giảm thiểu công việc làm lại từ đó nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc, giúp cải tiến thường xuyên chất lượng các quá trình, nâng cao uy tín, hình ảnh của Công ty, để từ đó tạo ra sự khác biệt và tạo sự an tâm cho khách hàng để tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty đang triển khai. Hiện tại, TCSC đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2015 và đã được chứng nhận bởi Tổ chức SGS Vietnam vào ngày 07/12/2022. Hệ thống quản lý chất lượng này đang được vận hành trong toàn hệ thống Công ty.

6.3.6. Hoạt động Marketing

Những năm gần đây, nhận thức và sự quan tâm của người dân Việt Nam đến TTCK ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, đối với phần lớn bộ phận dân chúng, TTCK vẫn là một lĩnh vực tương đối mới mẻ. Để đưa khái niệm đầu tư chứng khoán đến gần với công chúng hơn nữa, TCSC luôn tích cực cung cấp những phân tích, nhận định chuyên sâu cho khách hàng để khẳng định năng lực chuyên môn; đồng thời thông qua đó giới thiệu hình ảnh TCSC như là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp đến với công chúng đầu tư.

Mong muốn xây dựng hình ảnh một nhà cung cấp dịch vụ tài chính mang lại giá trị gia tăng cho nhà đầu tư, TCSC luôn nỗ lực tìm tòi thiết kế sản phẩm, tiện ích mới. Điều này thể hiện qua việc TCSC liên tiếp cho ra đời các dịch vụ trực tuyến, đồng thời cải thiện các sản phẩm tài chính hỗ trợ như ứng trước tiền bán cổ phiếu và giao dịch ký quỹ.

Không ngừng nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp thông tin qua các kênh của TCSC như các bản tin chứng khoán định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, các sản phẩm phân tích chuyên sâu các ngành, các công ty niêm yết thuận tiện hơn nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cho khách hàng kịp thời, đầy đủ và thuận tiện, thông qua đó giới thiệu một hình ảnh chuyên nghiệp và thân thiện của TCSC đến công chúng đầu tư.

6.3.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty



Ý nghĩa của logo: TCSC lấy chất lượng làm nền tảng để tạo nên sự khác biệt trong tất cả các dịch vụ đã, đang và sẽ cung cấp cho khách hàng.

6.4. Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 15: Một số hợp đồng lớn đã ký kết thực hiện

Đơn vị tính: tỷ đồng

| TT | Đối tác | Nội dung | Thời gian ký kết | Giá trị phát hành | Tình trạng | Quy định pháp lý | Trách nhiệm của Công ty |
|------------------|---|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------------|--|--|
| 1 | CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt | Tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu | Tháng 1, 4,6,9,11,12 năm 2021 | 1.775 | Đã hoàn thành | - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019. | <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ tư vấn: Tư vấn Tổ Chức Phát Hành về trình tự và thủ tục phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường; - Dịch vụ đại lý phát hành: Giới thiệu Nhà đầu tư có nhu cầu mua trái phiếu cho Tổ Chức Phát Hành; - Các công việc khác (nếu có). |
| 2 | Công ty TNHH Bất động sản Gia Phú | Tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu | Tháng 8 năm 2021 | 250 | Đã hoàn thành | - Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Nghị định 153). | |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | Tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu | Tháng 9 năm 2021 | 270 | Đã hoàn thành | - Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định 153 (Thông tư 122) | |
| 4 | CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia | Tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu | Tháng 3 năm 2022 | 200 | Đã hoàn thành | | |
| 5 | CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt | Tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu | Tháng 3 năm 2022 | 300 | Đã hoàn thành | | |
| 6 | Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | Tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu | Tháng 9 năm 2022 | 185 | Đã hoàn thành | | |
| Tổng cộng | | | | 2.980 | | | |

Nguồn: TCSC

Trong năm 2023: Tính đến ngày 30/09/2023, TCSC chưa ký kết hợp đồng tư vấn lớn.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng/ giảm | 9 tháng đầu năm 2023 |
|-----|---|-----------|-----------|-----------------|-------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.572.726 | 1.324.433 | (15,79%) | 1.785.353 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 1.196.624 | 1.153.199 | (3,63%) | 1.261.457 |
| 3 | Doanh thu hoạt động | 316.957 | 212.217 | (33,05%) | 106.740 |
| 4 | Kết quả hoạt động | 212.594 | 18.202 | (91,44%) | 52.001 |
| 5 | Lợi nhuận khác | 4.596 | (264) | (105,75%) | (1) |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 217.190 | 17.937 | (91,74%) | 52.001 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 173.072 | 17.470 | (89,91%) | 44.351 |
| 8 | Tỷ lệ LNST trên vốn chủ sở hữu bình quân | 21,23% | 1,49% | (93,00%) | - |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng/ giảm | 9 tháng đầu năm 2023 |
|-----|---|-----------|----------------------|-----------------|-------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.572.726 | 1.393.405 | (11,40%) | 1.869.244 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 1.196.624 | 1.206.732 | 0,84% | 1.327.537 |
| 3 | Doanh thu hoạt động | 316.957 | 212.282 | (33,02%) | 130.531 |
| 4 | Kết quả hoạt động | 212.594 | 86.300 | (59,41%) | 62.570 |
| 5 | Lợi nhuận khác | 4.596 | (535) | (111,64%) | (27) |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 217.190 | 85.765 | (60,51%) | 62.543 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 173.072 | 70.004 | (59,55%) | 53.477 |
| 8 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 84,60% | - | (100,00%) | - |
| 9 | Tỷ lệ LNST trên vốn chủ sở hữu bình quân | 21,23% | 5,83% ^(*) | (72,56%) | - |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

^(*) Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở BCTC hợp nhất, trong đó Lợi nhuận sau thuế là lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ và Vốn chủ sở hữu đã trừ phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Ghi chú: các năm trước năm 2022, TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm 2022, doanh thu hoạt động hợp nhất của Công ty đạt hơn 212 tỷ đồng và lợi nhuận kế toán sau thuế hợp nhất đạt hơn 70 tỷ đồng, giảm lần lượt là hơn 33% và gần 60% so với năm 2021. Nguyên nhân chính của sự biến động này là do sự sụt giảm chung của TTCK Việt Nam đã tác động rõ rệt đến các nguồn thu chính của Công ty như là: lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) giảm gần 66%, doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm gần 30% so với năm 2021, trong khi đó, chi phí hoạt động hợp nhất của Công ty năm 2022 ghi nhận hơn 99 tỷ đồng, tăng gần 38% so với năm 2021. Từ đó dẫn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty năm 2022 giảm so với năm 2021.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, Công ty đạt khoảng 131 tỷ đồng doanh thu hoạt động và khoảng 53 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Con số này tuy có khiêm tốn nhưng cũng được xem là khích lệ trước tình hình khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và của Công ty nói riêng.

7.2. Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết

Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022 là ý kiến chấp thuận toàn phần.

Lưu ý của CTCP Chứng khoán Thành Công: Sau khi phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và năm 2022, Công ty đã rà soát và bổ sung các thông tin được trình bày bên dưới. Các thông tin này đã được đơn vị kiểm toán xác nhận.

✦ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

- Về việc Công ty xác định ông Đoàn Quang Sang là người liên quan của Công ty

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán từ năm 2014 đã thuyết minh Ông Đoàn Quang Sang là bên liên quan với mối quan hệ là cổ đông, Ông Đoàn Quang Sang là cổ đông sáng lập của Công ty. Báo cáo tài chính kiểm toán từ năm 2021, Công ty đã thuyết minh Ông Đoàn Quang Sang, thuộc bên liên quan khác, là cổ đông của Công ty do kế thừa Báo cáo tài chính kiểm toán từ năm 2014.

Công ty đã điều chỉnh lại phần thuyết minh này từ Báo cáo tài chính soát xét Bán niên năm 2022 trở đi theo điểm c, khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14; khoản 23, Điều 4 Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

✦ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

- Trình bày lại khái niệm người liên quan đối với CTCP Đầu Tư Phát Triển Sài Gòn 3 Group (công ty mẹ cao nhất)

Tại khoản 10 Điều 4 Nghị định 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, có quy định:

“Công ty mẹ tối cao của tập đoàn là thuật ngữ sử dụng để chỉ pháp nhân có vốn chủ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp tại các pháp nhân khác của một tập đoàn đa quốc gia và không bị sở hữu bởi bất kỳ pháp nhân nào khác. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao của tập đoàn không được hợp nhất vào bất kỳ báo cáo tài chính của một pháp nhân nào khác trên toàn cầu.”

Theo thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021 số VI.17, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, danh sách các cổ đông của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| | Số cuối năm (đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|---------------------------------------|--------------------------|----------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | 647.919.360.000 | 64,16% |
| Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean | 30.000.000.000 | 2,97% |
| Các cổ đông khác | 331.880.460.000 | 32,87% |
| Cộng | 1.009.799.820.000 | 100,00% |

- CTCP Đầu Tư Phát Triển Sài Gòn 3 Group (sau đây gọi tắt là SG3 Group) là chủ sở hữu Công ty TNHH Đầu Tư Sài Gòn 3 Capital (sau đây gọi tắt là SG3 Capital), theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 26/06/2020 của Công ty TNHH Đầu Tư Sài Gòn 3 Capital. SG3 Group sở hữu 100% vốn góp của SG3 Capital.
 - CTCP Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group là cổ đông của CTCP May Sài Gòn 3 (sau đây gọi tắt là SG3 May) theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần CTCP May Sài Gòn 3, mã số cổ đông: SG30131. SG3 Group chiếm tỷ lệ sở hữu 99,92% của SG3 May.
 - CTCP May Sài Gòn 3 là chủ sở hữu Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean, theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 08/07/2021 của Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean. SG3 May sở hữu 100% vốn góp của SG3 Jean.
 - CTCP Đầu Tư Phát Triển Sài Gòn 3 Group là Công ty mẹ cao nhất do sở hữu gián tiếp CTCP Chứng khoán Thành Công thông qua Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital và Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean tại TCSC với tỷ lệ sở hữu là 67,13%. Xét về cả Tập đoàn thì CTCP Đầu Tư Phát Triển Sài Gòn 3 Group là công ty mẹ đầu tiên, trên đó không còn Công ty mẹ nào nữa.
- **Chi tiết khoản thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt theo quy định tại Điều 298 Nghị định 155/2020/NĐ-CP**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Năm 2021 | Thu nhập |
|---|----------------------|
| Ông Nguyễn Đông Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị | 1.359.075.000 |
| Ông Nguyễn Đức Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 1.174.700.000 |
| Ông Trịnh Tấn Lực - Phó Tổng Giám đốc | 717.600.000 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Giám đốc Tài chính | 913.028.083 |
| Cộng | 4.164.403.083 |

| Năm 2020 | Thu nhập |
|---|----------------------|
| Ông Nguyễn Đông Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị | 1.087.260.000 |
| Ông Nguyễn Đức Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 883.560.000 |
| Ông Trịnh Tấn Lực - Phó Tổng Giám đốc | 695.480.000 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Giám đốc Tài chính | 463.560.000 |
| Cộng | 3.129.860.000 |

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

Báo cáo tài chính kiểm toán 2022 riêng:

- **Đánh giá ảnh hưởng của khoản mục Lỗ toàn diện sau thuế TNDN (60 tỷ đồng) đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty:**

Căn cứ Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính:

Lãi/Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS (Mã số 301)

Chi tiêu này phản ánh số chênh lệch lãi (lỗ) từ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS trong kỳ của CTCK. Số liệu để ghi vào chi tiêu này là số dư chi tiết của TK 412 - Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý liên quan đến chi tiêu này.

Khoản mục Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán – Mã số: 301 là (60.865.933.961) đồng, được ghi nhận từ Chênh lệch tăng/giảm đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tại ngày cuối năm, Chi tiêu Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) – Mã số 115 có giá trị là 335.518.030.000 đồng và Chi tiêu Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý – Mã số 412 có giá trị là (65.019.103.032) đồng, trong đó 2 khoản đầu tư có chênh lệch giảm nhiều nhất là STB là (37.550.721.476) đồng và BBT là (14.473.900.000) đồng chiếm tỷ trọng lần lượt là 57,8% và 22,3%, cụ thể:

(đơn vị tính: đồng)

| Mã chứng khoán | Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý - Mã số: 412 | | Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán - Mã số: 301 |
|----------------|--|-------------------------|---|
| | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Ghi nhận trong kỳ |
| BBT | (2.054.360.000) | (14.473.900.000) | (12.419.540.000) |
| STB | | (37.550.721.476) | (37.550.721.476) |
| QNS | | (4.205.118.206) | (4.205.118.206) |
| QTP | | (6.842.220.000) | (6.842.220.000) |
| BMI | | (9.375.958.528) | (9.375.958.528) |
| HPG | | (2.984.000.000) | (2.984.000.000) |
| BDT | | 8.316.000.000 | 8.316.000.000 |
| Cổ phiếu khác | (2.098.809.071) | 2.096.815.178 | 4.195.624.249 |
| Cộng | (4.153.169.071) | (65.019.103.032) | (60.865.933.961) |

Khoản Chênh lệch giảm do đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo giá đóng cửa cuối năm 2022 chỉ mang tính thời điểm và ảnh hưởng không đáng kể so với tổng tài sản của Công ty. Vì vậy, theo quan điểm của Công ty đánh giá ảnh hưởng của khoản mục Lỗ toàn diện sau thuế TNDN (60 tỷ đồng) đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty là không đáng kể.

- **Thuyết minh VI.3c Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (trang 28): thông tin về tình hình Trái phiếu của Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản Phát Đạt (“Phát Đạt”) cụ thể như sau:**

(1) PDRH2123003 (phát hành ngày 07/05/2021):

- Số lượng: 250.
- Mệnh giá: 25.000.000.000 đồng.
- Giá mua: 25.000.000.000 đồng.
- Lãi suất: 13%/năm.
- Ngày đáo hạn: 7/5/2023
- Phát Đạt đã thực hiện mua lại 50% vào ngày 17/1/2023.

(2) PDRH2123001 (phát hành ngày 02/02/2021):

- Số lượng: 320.
- Mệnh giá: 32.000.000.000 đồng.
- Giá mua: 32.098.580.250 đồng.
- Lãi suất: 13%/năm.
- Phát Đạt đã thực hiện mua lại 100% vào ngày 17/1/2023.

- **Thuyết minh VI.12 Trái phiếu phát hành ngắn hạn (trang 34-35):**

- Mã trái phiếu: TCIH2223001
- Kỳ hạn: 1 năm
- Phát hành: ngày 23/02/2022
- Đáo hạn: ngày 23/2/2023
- Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thanh toán toàn bộ gốc, lãi trái phiếu này cho trái chủ

- **Thuyết minh VIII.6 Doanh thu khác về đầu tư (trang 40): thông tin về giao dịch bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hồ Điệp.**

- Thời điểm bán: TCSC đã thực hiện chuyển nhượng 4.009.100 cổ phần vào ngày 30/12/2022.
- Thời điểm thu tiền: ngày 30/12/2022.

BCTC kiểm toán 2022 hợp nhất

- Bảng “Báo cáo kết quả hoạt động Hợp nhất” (trang 9-10): thông tin lý do không có chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ” trên BCTC kiểm toán 2022 hợp nhất.

Do lỗi kỹ thuật về đánh máy, theo đó TCSC bổ sung nội dung các chỉ tiêu sau:

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) | 200 | | 70.003.581.977 | 173.071.606.551 |
| 11.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu | 201 | | 70.003.581.977 | 173.071.606.551 |
| 11.2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ | 202 | | - | - |
| 11.3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 203 | | - | - |

Lỗi này không ảnh hưởng đến việc tính toán “Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)” do toàn bộ lợi nhuận trong năm 2022 là của cổ đông công ty mẹ.

- **Thuyết minh VI.11 Lợi thế thương mại (trang 35): giải trình khoản lợi thế thương mại trong năm**

Căn cứ Chuẩn mực kế toán số 11 Hợp nhất kinh doanh ngày 28/12/2005 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan:

Công ty đã thuyết minh IV.3 Thông tin so sánh xác nhận ngày TCSC hoàn tất việc mua Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp Lực và thuyết minh IV.18 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại, theo đó:

- Lợi thế thương mại TCSC đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty con là 68.789.068.614 đồng, được phân bổ trong 10 năm.
- Lợi thế thương mại đã phân bổ trong năm 2022 là 961.162.329 đồng.

Ngoài ra, TCSC bổ sung thêm thông tin liên quan đến thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 và năm 2022 trên Báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2022 như sau (đã có ý kiến xác nhận của Công ty kiểm toán):

- **Thuyết minh Thù lao, tiền lương và chi phí của Ban kiểm soát trong BCTC kiểm toán năm 2022:**

Thù lao của Ban kiểm soát

| | Thù lao |
|--------------------------|----------|
| Năm nay (2022)(*) | |
| Ông Lê Ngọc Hùng | 0 |
| Ông Nguyễn Thanh Tịnh | 0 |
| Bà Đoàn Thị Thu Sương | 0 |
| Cộng | 0 |

Năm trước (2021)()**

| | |
|-----------------------|----------|
| Ông Lê Ngọc Hùng | 0 |
| Ông Nguyễn Thanh Tịnh | 0 |
| Bà Đoàn Thị Thu Sương | 0 |
| Cộng | 0 |

(*) Theo nghị quyết 3 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 26 tháng 2 năm 2022, trong năm 2022 TCSC không chi trả thù lao cho Ban kiểm soát.

(**) Theo nghị quyết 2 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 09 tháng 6 năm 2021, trong năm 2021 TCSC không chi trả thù lao cho Ban kiểm soát.

7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.3.1. Thuận lợi

- Nhân sự có sự tăng trưởng và chuyên môn hóa sâu ở tất cả các bộ phận giúp cho việc nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ tốt hơn và chuyên nghiệp hơn.
- Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính nên đã đề ra các biện pháp đúng đắn, linh hoạt trong từng thời điểm khó khăn giúp Công ty tránh được cú sốc lớn do biến động của thị trường.
- Cơ cấu nguồn vốn an toàn và tình hình tài chính lành mạnh là cơ sở vững chắc để Công ty cung cấp các giải pháp hỗ trợ tài chính cho khách hàng một cách thận trọng nhưng hiệu quả.
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và không ngừng nâng cao trải nghiệm của khách hàng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

7.3.2. Khó khăn

- Nền kinh tế thế giới vẫn chậm phục hồi sau đại dịch và tiềm ẩn nhiều rủi ro kinh tế, chính trị,...
- Việc cạnh tranh trong thị trường chứng khoán ngày càng gay gắt, đặc biệt là từ các công ty chứng khoán ngoại với nguồn vốn dồi dào.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam sụt giảm mạnh và biến động khó lường tác động bất lợi trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và TCSC nói riêng.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trên cơ sở dữ liệu thống kê về 80 công ty chứng khoán có ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh tải từ Fiinpro thì:

- Xét về quy mô vốn điều lệ, tính đến cuối tháng 9 năm 2023, TCSC đứng thứ 41 về vốn điều lệ.
- Xét về hiệu quả kinh doanh thì 9 tháng đầu năm 2023, TCSC đứng thứ 35 về lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) khoảng 53 tỷ đồng.

(Chúng tôi lưu ý rằng số liệu trên được lấy từ ứng dụng của Fiinpro tại từng thời điểm, số

liệu có thể không đồng nhất nên chúng tôi không đảm bảo tính chính xác của số liệu so sánh với các công ty khác ở các thời điểm khác nhau, nhà đầu tư nên tự nghiên cứu, tính toán và xác định phù hợp với mục đích của mình).

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Qua hơn 20 năm hoạt động, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam ngày càng hoàn thiện và đang trở thành kênh dẫn vốn quan trọng của nền kinh tế.

Triển vọng ngành chứng khoán thể hiện ở một số khía cạnh chính như sau:

Nếu chỉ tính trong khu vực Đông Nam Á thì quy mô nền kinh tế Việt Nam còn khá khiêm tốn trong khi Việt Nam sở hữu nhiều điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, giàu tài nguyên, chính trị ổn định, cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện, dân số trẻ, trình độ dân trí ngày càng cao, thu nhập người dân ngày càng được cải thiện, vị thế trên trường quốc tế được nâng lên tầm cao mới, quan hệ kinh tế ngày càng sâu rộng,... nên tiềm năng tăng trưởng kinh tế Việt Nam là rất lớn, dư địa phát triển còn nhiều.

Bên cạnh đó, Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực tạo tiền đề cho việc đa dạng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa và doanh nghiệp niêm yết; thu hút nhà đầu tư nước ngoài và phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc phê duyệt đề án “cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” trong đó đưa ra nhiều mục tiêu cụ thể như là quy mô thị trường cổ phiếu đạt mức 100% GDP vào năm 2020 và 120% GDP vào năm 2025 và các giải pháp đồng bộ để phát triển thị trường chứng khoán trong tương lai. Đây chính là hai cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy ngành chứng khoán tiếp tục phát triển trong tương lai.

Mặt khác, theo nhận định của các chuyên gia thì việc nâng hạng thị trường sẽ giúp thu hút một khối lượng vốn đáng kể từ các quỹ đầu tư thụ động, đặc biệt khi hình thức đầu tư này ngày càng phổ biến hơn trên thế giới. Dòng vốn mới ước tính có giá trị có thể lên đến hàng tỷ USD sẽ là lực đẩy đối với TTCK Việt Nam.

8.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành

Bảng 18: So sánh kết quả kinh doanh năm 2022 của một số công ty chứng khoán

Đơn vị tính: triệu đồng

| Tên công ty | Mã CK | Vốn chủ sở hữu | Tổng tài sản | LNST |
|---|-------|----------------|--------------|----------|
| CTCP Chứng khoán Guotai Junan | IVS | 728.128 | 811.169 | 17.245 |
| CTCP Chứng khoán Dầu khí | PSI | 659.046 | 2.015.327 | 26.577 |
| CTCP Chứng khoán Phố Wall | WSS | 513.237 | 520.109 | (18.610) |
| CTCP Chứng khoán Thành Công | TCI | 1.206.732 | 1.393.405 | 70.004 |
| CTCP Chứng khoán Nhất Việt | VFS | 989.727 | 1.017.956 | 62.995 |
| CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam | VIG | 304.950 | 317.243 | 2.648 |
| CTCP Chứng khoán Hòa Bình | HBS | 402.167 | 405.763 | 4.860 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của các công ty

Bảng 19: So sánh tình hình tài chính của một số công ty chứng khoán

Đơn vị tính: %

| Các chỉ tiêu | IVS | PSI | WSS | TCI | VFS | VIG | HBS |
|---|------|------|--------|------|------|------|------|
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | 2,37 | 4,03 | (3,63) | 5,80 | 6,36 | 0,87 | 1,21 |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) | 2,13 | 1,32 | (3,58) | 5,02 | 6,19 | 0,83 | 1,20 |

Nguồn: Số liệu được tính toán từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của các công ty

Bảng 20: So sánh kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 của một số công ty chứng khoán

Đơn vị tính: triệu đồng

| Tên công ty | Mã CK | Vốn chủ sở hữu | Tổng tài sản | LNST |
|--|-------|----------------|--------------|--------|
| CTCP Chứng khoán Guotai Junan | IVS | 752.634 | 775.399 | 24.506 |
| CTCP Chứng khoán Dầu khí | PSI | 687.083 | 2.003.074 | 28.786 |
| CTCP Chứng khoán Phố Wall | WSS | 529.227 | 532.929 | 15.990 |
| CTCP Chứng khoán Thành Công | TCI | 1.009.800 | 1.869.244 | 53.477 |
| CTCP Chứng khoán Nhất Việt | VFS | 1.450.056 | 1.475.692 | 64.809 |
| CTCP Chứng khoán Đầu tư Tài chính Việt Nam (*) | VIG | 326.118 | 337.872 | 21.168 |
| CTCP Chứng khoán Hòa Bình | HBS | 415.756 | 419.110 | 13.589 |

Nguồn: Số liệu được tính toán từ Báo cáo tài chính Quý III/2023 của các công ty

(*) CTCP Chứng khoán Đầu tư Tài chính Việt Nam tiền thân là CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Ghi chú: số liệu so sánh trên đây được thu thập từ các nguồn khác nhau, tính chính xác có thể không được đảm bảo nên chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư nên tự nghiên cứu, đánh giá và tự chịu trách nhiệm với các quyết định của mình.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Không chỉ đối với Việt Nam mà là còn đối với hầu hết tất cả các nước trên thế giới, thị trường chứng khoán đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của một quốc gia. Sự phát triển của thị trường chứng khoán đóng góp vào sự phát triển kinh tế của quốc gia đó, nên hầu hết các nước đều có nhiều giải pháp phát triển thị trường này ở nhiều mức độ khác nhau, phù hợp với điều kiện của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn.

Việt Nam trong quá trình mở cửa, hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới nên việc đẩy mạnh phát triển thị trường chứng khoán để hấp thụ nguồn vốn bên ngoài làm lực đẩy tăng trưởng kinh tế là một xu thế tất yếu. Do vậy, chính sách nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường thể hiện thông qua khung hành lang pháp lý ngày càng được hoàn thiện, thông qua các chủ trương, chính sách, chương trình hành động của các cơ quan bộ ngành Việt Nam trong việc thúc đẩy phát triển thị trường chứng khoán trong tương lai.

Và TCSC cũng đã có những định hướng phát triển phù hợp với các xu thế đó, cụ thể là:

Phát triển quy mô phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện của TCSC, cụ thể là từng bước tăng vốn điều lệ qua từng năm bổ sung vốn kinh doanh để mở rộng thêm hoạt động kinh doanh của TCSC.

Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, nâng cấp các phần mềm ứng dụng, xây dựng hệ thống thông tin quản trị nội bộ, mở rộng đường truyền, tăng tính bảo mật hệ thống và nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng an toàn, thông suốt, bảo mật và nhanh chóng.

Phát triển đội ngũ nhân sự: TCSC luôn tin rằng, bằng cách tối đa hoá động lực của mỗi nhân viên, TCSC có thể gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng, đồng thời giúp gia tăng giá trị cho cổ đông. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, TCSC luôn xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm và kiến thức, nhạy bén và am hiểu thị trường để có khả năng thích nghi tốt và đón đầu các xu hướng mới. Bằng các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho cán bộ nhân viên của TCSC được học tập nâng cao trình độ, phục vụ tốt nhất cho các hoạt động của TCSC đồng thời thực hiện áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến nhằm tối đa hóa hiệu quả trong sử dụng nguồn nhân lực.

Phát triển và mở rộng hoạt động môi giới chứng khoán cùng với sự hỗ trợ mạnh về công nghệ và nguồn nhân lực trẻ, có nhiệt huyết, hoàn toàn có khả năng phát triển và mở rộng hoạt động trong thời gian tới, tiến tới mục tiêu nâng cao thị phần môi giới.

Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính: Việt Nam là một trong những nước có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong vài thập kỷ gần đây. Cùng với tăng trưởng kinh tế, sự phát triển và mở rộng quy mô hoạt động của các doanh nghiệp cũng diễn ra một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, tốc độ phát triển của doanh nghiệp không đồng đều với trình độ quản lý, khả năng huy động vốn và thậm chí là định hướng chiến lược trong tương lai. TCSC sẽ tiếp tục chủ động tiếp cận doanh nghiệp để đưa ra các giải pháp tài chính phù hợp nhằm giúp doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn và vướng mắc để phát triển.

Đẩy mạnh hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư chứng khoán, thông qua việc xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn và từ đó đưa ra được những phân tích, đánh giá, nhận định về chứng khoán và thị trường chứng khoán không chỉ để gia tăng giá trị lợi ích cho các nhà đầu tư – khách hàng của TCSC mà còn để phục vụ cho hoạt động tự doanh và kiểm soát rủi ro của TCSC. Mục tiêu của TCSC là nâng tầm các báo cáo phân tích và tư vấn đầu tư của TCSC lên thành một sản phẩm uy tín đối với các kênh tài chính, các tổ chức đầu tư và khách hàng.

Đẩy mạnh đầu tư tự doanh, qua quá trình xây dựng và phát triển, trải qua giai đoạn khủng hoảng kinh tế có quy mô toàn cầu cũng như giai đoạn tăng trưởng của thị trường, bộ phận tự doanh của TCSC đã hoàn thiện quy trình nghiệp vụ và đưa ra các biện pháp hạn chế rủi ro trong đầu tư tự doanh cho TCSC đồng thời đề ra các tiêu chí đầu tư phù hợp trong từng giai đoạn của thị trường. Trong điều kiện thị trường khởi sắc, hoạt động tự doanh sẽ là một trong những hoạt động hiệu quả, góp phần vào thành công chung của TCSC.

T.T.A
 CH
 OÁN
 HỒ
 ANH
 CH

10/1/2023/10/11

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30/09/2023, số lượng nhân sự TCSC có 85 người, trong đó:

Bảng 21: Cơ cấu lao động hợp nhất của Công ty

| STT | Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|------------|---|------------------|---------------|
| I | Theo trình độ lao động | 85 | 100,00 |
| 1 | Thạc sỹ | 14 | 16,47 |
| 2 | Đại học | 62 | 72,94 |
| 3 | Cao đẳng | 3 | 3,53 |
| 4 | Khác | 6 | 7,06 |
| II | Theo giới tính | 85 | 100,00 |
| 1 | Nam | 42 | 49,41 |
| 2 | Nữ | 43 | 50,59 |
| III | Theo tính chất hợp đồng lao động | 85 | 100,00 |
| 1 | Hợp đồng có xác định thời hạn | 48 | 56,47 |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 37 | 43,53 |

Nguồn: TCSC

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chính sách tuyển dụng

TCSC luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với TCSC, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, TCSC có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn.

Mặt khác, TCSC cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách đào tạo

Nhân viên được tuyển dụng sẽ được TCSC hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của TCSC. Ngoài ra, chính sách tài trợ các chương trình học như CFA, CPA và các khóa học tài chính kế toán là một phần trong quy chế hoạt động của TCSC.

Chính sách lương, thưởng

Chính sách trả lương: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, TCSC đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

Lương ngoài giờ: TCSC hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể.

Chính sách thưởng: Hàng năm, TCSC tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, TCSC thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho nhân viên theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của TCSC.

Chính sách phúc lợi xã hội

TCSC đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...). Đặc biệt, chương trình hỗ trợ hoạt động rèn luyện thân thể và gói bảo hiểm sức khỏe toàn diện được áp dụng cho toàn thể nhân viên.

Bên cạnh đó, TCSC duy trì chính sách tổ chức cho nhân viên tham quan, nghỉ mát nhằm tăng cường sự hiểu biết, tính gắn bó và tái tạo sức lao động.

Ngoài ra, TCSC luôn thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật...).

9.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tuy nhiên do tình hình thị trường chứng khoán không thuận lợi nên Công ty chưa thực hiện phương án này trong năm 2022. ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua việc tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá trị phát hành theo mệnh giá không đổi là 50 tỷ đồng và giá phát hành không đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu nhưng điều chỉnh thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu từ tối đa 03 năm xuống còn 01 năm. ĐHĐCĐ đã ủy quyền/giao cho HĐQT quyết định thời gian thực hiện cụ thể.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách cổ tức của TCSC như sau:

- TCSC chia cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị căn cứ kết quả hoạt động thực tiễn hàng năm và kế hoạch định hướng phát triển để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch cổ tức cho cổ đông.

Bảng 22: Tỷ lệ cổ tức từ năm 2020 – 2022

| Năm | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|----------------------|---------------|---------------|----------|
| Tỷ lệ cổ tức | 4% | 14,5% | - |
| Hình thức thanh toán | Bằng cổ phiếu | Bằng cổ phiếu | - |

Nguồn: TCSC

Năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2020.

Năm 2022, ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 14,5%, tuy nhiên do tình hình thị trường chứng khoán chưa thuận lợi nên Công ty chưa thực hiện trong năm 2022. ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua phương án

phát hành cổ phiếu trong đó khẳng định tiếp tục thực hiện việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông. ĐHCĐ đã ủy quyền/giao cho HĐQT quyết định thời gian thực hiện cụ thể.

Năm 2023, ĐHCĐ thường niên đã thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2022.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo đúng quy định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị: 05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 06 – 08 năm

11.1.2. Mức lương bình quân

Bảng 23: Mức lương bình quân

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|-----------------|------------------|------------|------------|------------|
| Lương bình quân | Đồng/người/tháng | 28.322.273 | 33.227.849 | 31.129.097 |

Nguồn: TCSC

Bảng 24: So sánh mức lương, thu nhập bình quân của một số công ty chứng khoán khác năm 2020, 2021 và 2022

Đơn vị tính: Đồng/người/tháng

| Tên công ty | Lương bình quân | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|-----------------|------------|------------|------------|
| CTCP Chứng khoán SSI | SSI | 33.067.596 | 60.595.846 | 44.850.472 |
| CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | HCM | 38.620.281 | 47.703.589 | 51.920.307 |
| CTCP Chứng khoán VNDIRECT | VND | 18.987.410 | 19.121.705 | 22.055.268 |
| CTCP Chứng khoán MB | MBS | 27.670.843 | 36.143.515 | 38.589.024 |
| CTCP Chứng khoán VIX | VIX | 17.000.000 | 19.200.000 | 18.931.717 |
| CTCP Chứng khoán Hòa Bình | HBS | 15.207.197 | 10.000.000 | 10.000.000 |
| CTCP Chứng khoán Guotai Junan | IVS | 13.294.778 | 20.553.237 | 22.739.130 |
| CTCP Chứng khoán Nhất Việt | VFS | 11.006.756 | 9.241.344 | 10.960.424 |
| CTCP Chứng khoán Phố Wall | WSS | 9.829.983 | 15.531.320 | 14.269.605 |

Nguồn: Số liệu tổng hợp và tính toán từ Bản cáo bạch, báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021, 2022 của các công ty chứng khoán

Mức lương bình quân của người lao động ở TCSC nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối cao so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng thị trường.

Ghi chú:

Mức lương bình quân ở công ty chứng khoán VIX được thu thập từ bản cáo bạch năm 2021 của VIX, lương bình quân ở công ty chứng khoán HBS năm 2021 và năm 2022 được thu thập từ báo cáo thường niên năm 2021 và năm 2022 của HBS và lương bình quân ở công ty chứng khoán VND năm 2020, 2021 được thu thập từ bản cáo bạch năm 2022 của VND. Mức lương bình quân ở các công ty chứng khoán còn lại được tính toán bằng số liệu chi phí lương và các khoản khác theo lương chia cho số lượng nhân viên trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021, 2022 của các công ty (cách tính này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể không đúng với số thực tế của từng công ty).

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của TCSC đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

TCSC luôn thực hiện nghiêm túc việc tính và nộp các khoản thuế phải nộp theo đúng quy định của pháp luật. Số dư các khoản thuế phải nộp qua các năm như sau:

Bảng 25: Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|----------------------------|--------------|---------------|--------------|--------------|
| 1 | Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | - | - |
| 2 | Thuế thu nhập cá nhân | 1.187 | 2.398 | 1.030 | 1.304 |
| 3 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.401 | 7.865 | 4.666 | 7.650 |
| 4 | Thuế khác | - | 44 | - | 64 |
| Tổng cộng | | 5.228 | 10.308 | 5.696 | 9.017 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 26: Các khoản phải nộp theo luật định hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 01/01/2022 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|----------------------------|---------------|--------------|--------------|
| 1 | Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | - |
| 2 | Thuế thu nhập cá nhân | 2.398 | 1.035 | 1.350 |
| 3 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.865 | 4.666 | 7.650 |
| 4 | Thuế khác | 44 | - | 64 |
| Tổng cộng | | 10.308 | 5.701 | 9.064 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Ghi chú: các năm trước năm 2022, TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất.

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

TCSC chủ trương thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Bảng 27: Trích lập các quỹ của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|--|--------------|---------------|---------------|------------|
| 1 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 1.293 | 8.005 | 8.005 | - |
| 2 | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 1.293 | 8.005 | 8.005 | - |
| Tổng cộng | | 2.586 | 16.010 | 16.010 | - |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 28: Trích lập các quỹ hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 01/01/2022 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|--|---------------|---------------|------------|
| 1 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 8.005 | 8.005 | - |
| 2 | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 8.005 | 8.005 | - |
| Tổng cộng | | 16.010 | 16.010 | - |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Ghi chú:

Các năm trước năm 2022, TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất.

DHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua việc hoàn nhập toàn bộ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ vào Lợi nhuận chưa phân phối đã thực hiện của Công ty.

11.1.6. Tổng dư nợ vay

✦ **Tổng nợ vay**

Bảng 29: Nợ vay của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|---|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 305.412 | 244.736 | - | 200.000 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - | - |
| 3 | Trái phiếu phát hành ngắn hạn | - | 95.000 | 149.989 | 300.000 |
| Tổng cộng | | 305.412 | 339.736 | 149.989 | 500.000 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 30: Nợ vay hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chi tiêu | 01/01/2022 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|---|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 244.736 | - | 200.000 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - |
| 3 | Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 95.000 | 149.989 | 300.000 |
| Tổng cộng | | 339.736 | 149.989 | 500.000 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Ghi chú: các năm trước năm 2022, TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi tiết các khoản vay

Bảng 31: Chi tiết các khoản vay của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chi tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|---|----------------|----------------|------------|----------------|
| 1 | Vay ngắn hạn | 305.412 | 244.736 | - | 200.000 |
| | Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 ⁽ⁱ⁾ | 185.500 | - | - | - |
| | Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital ⁽ⁱⁱ⁾ | - | 7.900 | - | - |
| | Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | - | 58.000 | - | - |
| | Cá nhân khác | 119.912 | - | - | - |
| | Vay ngân hàng, tổ chức tài chính | - | 178.836 | - | 200.000 |
| 2 | Vay dài hạn | - | - | - | - |
| Tổng cộng | | 305.412 | 244.736 | - | 200.000 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 để bổ sung vốn lưu động.
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital để bổ sung vốn lưu động.
- (iii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết để bổ sung vốn lưu động.

Bảng 32: Chi tiết các khoản vay hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 01/01/2022 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|-----|---------------------------------------|----------------|------------|----------------|
| 1 | Vay ngắn hạn | 244.736 | - | 200.000 |
| | Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | 7.900 | - | - |
| | Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết | 58.000 | - | - |
| | Vay ngân hàng, tổ chức tài chính | 178.836 | - | 200.000 |
| 2 | Vay dài hạn | - | - | - |
| | Tổng cộng | 244.736 | - | 200.000 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

✦ Trái phiếu đã phát hành ngắn hạn

Bảng 33: Trái phiếu phát hành ngắn hạn của Công ty mẹ

| Ngày phát hành | Mã trái phiếu | Giá trị (tỷ đồng) | Lãi suất | Thanh toán lãi | Kỳ hạn trái phiếu | Đối tượng chào bán | Nghĩa vụ CBTT |
|----------------|---------------|-------------------|----------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|---|
| 08/02/2021 | TCIH21 22001 | 190 | 9% /năm | Định kỳ 06 tháng/lần | 1 năm | Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | Theo quy định tại Nghị định 153 và Thông tư 122 |
| 23/02/2022 | TCIH22 23001 | 200 | 10% /năm | Định kỳ 06 tháng/lần | 1 năm | Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | Theo quy định tại Nghị định 153 và Thông tư 122 |
| 11/09/2023 | TCIH23 24001 | 300 | 11% /năm | Định kỳ 03 tháng/lần | 1 năm | Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | Theo quy định tại Nghị định 153, Nghị định 65, Nghị định 08 và Thông tư 122 |

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Nợ phải thu

Bảng 34: Nợ phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|--|--------------|---------------|--------------|---------------|
| 1 | Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính | 2.853 | 7.011 | - | - |
| 2 | Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 3.244 | 6.984 | 4.444 | 8.823 |
| 3 | Trả trước cho người bán | 98 | 539 | 2.335 | 92 |
| 4 | Phải thu dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp | 255 | 428 | 141 | 3.627 |
| 5 | Các khoản phải thu khác | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 64.854 |
| 6 | Dự phòng phải thu khó đòi | (2.000) | (2.000) | (4.000) | (4.000) |
| Tổng cộng | | 8.450 | 16.961 | 6.920 | 73.396 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 35: Nợ phải thu hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 01/01/2022 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|--|---------------|--------------|---------------|
| 1 | Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính | 7.011 | - | - |
| 2 | Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 6.984 | 4.444 | 8.825 |
| 3 | Trả trước cho người bán | 539 | 2.335 | 92 |
| 4 | Phải thu dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp | 428 | 300 | 4.126 |
| 5 | Các khoản phải thu khác | 4.000 | 4.003 | 4.009 |
| 6 | Dự phòng phải thu khó đòi | (2.000) | (4.000) | (4.058) |
| Tổng cộng | | 16.962 | 7.082 | 12.995 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Tại ngày 01/01/2022, nợ phải thu hợp nhất của Công ty đạt gần 17 tỷ đồng, chủ yếu đến từ các khoản phải thu bán các tài sản tài chính hơn 7 tỷ đồng và các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư gần 7 tỷ đồng (phải thu tiền lãi giao dịch ký quỹ, dự thu lãi trái phiếu doanh nghiệp,...).

Tại ngày 31/12/2022, nợ phải thu hợp nhất của Công ty đạt hơn 7 tỷ đồng, giảm hơn 58% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu là do cuối năm Công ty đã hoàn thành việc thu hồi hơn 7 tỷ đồng các khoản phải thu bán các tài sản tài chính.

Tại ngày 30/09/2023, nợ phải thu hợp nhất của Công ty đạt gần 13 tỷ đồng, tăng mạnh so với cuối năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu là do sự gia tăng của các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư (phải thu tiền lãi giao dịch ký quỹ gần 5 tỷ đồng), và các khoản phải thu dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp (phải thu phí dịch vụ tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu hơn 3 tỷ đồng).

Nợ phải trả

Bảng 36: Nợ phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|
| I | Nợ phải trả ngắn hạn | 324.586 | 370.425 | 169.756 | 522.417 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 305.412 | 244.736 | - | 200.000 |
| 2 | Trái phiếu phát hành ngắn hạn | - | 95.000 | 149.989 | 300.000 |
| 3 | Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 720 | 2.264 | 640 | 2.140 |
| 4 | Phải trả người bán ngắn hạn | 4.467 | 844 | 39 | 2.721 |
| 5 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | - | - | 40 | - |
| 6 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 5.228 | 10.308 | 5.696 | 9.017 |
| 7 | Phải trả người lao động | 220 | 245 | 1.418 | 1.618 |
| 8 | Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | - | - | - | - |
| 9 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 8.534 | 16.791 | 11.448 | 5.971 |
| 10 | Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 5 | 238 | 486 | 950 |
| II | Nợ phải trả dài hạn | 2.543 | 5.676 | 1.478 | 1.478 |
| 1 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 2.543 | 5.676 | 1.478 | 1.478 |
| Tổng cộng | | 327.129 | 376.102 | 171.234 | 523.895 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 37: Nợ phải trả hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 01/01/2022 | 31/12/2022 | 30/09/2023 |
|------------------|--|----------------|----------------|----------------|
| I | Nợ phải trả ngắn hạn | 370.426 | 169.900 | 523.519 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 244.736 | - | 200.000 |
| 2 | Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 95.000 | 149.989 | 300.000 |
| 3 | Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 2.264 | 640 | 2.740 |
| 4 | Phải trả người bán ngắn hạn | 844 | 43 | 2.727 |
| 5 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | - | 40 | - |
| 6 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 10.308 | 5.701 | 9.064 |
| 7 | Phải trả người lao động | 245 | 1.523 | 1.952 |
| 8 | Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | - | - | - |
| 9 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 16.791 | 11.478 | 6.002 |
| 10 | Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 238 | 486 | 1.034 |
| II | Nợ phải trả dài hạn | 5.676 | 16.772 | 18.189 |
| 1 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 5.676 | 16.772 | 18.189 |
| Tổng cộng | | 376.102 | 186.672 | 541.708 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Tại ngày 01/01/2022, nợ phải trả hợp nhất của Công ty khoảng 376 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là nợ phải trả ngắn hạn gần 370 tỷ đồng (trong đó, chủ yếu là vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn là 245 tỷ đồng, trái phiếu phát hành ngắn hạn là 95 tỷ đồng).

Tại ngày 31/12/2022, nợ phải trả hợp nhất của Công ty khoảng 187 tỷ đồng, giảm hơn 50% so với đầu năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty đã thanh toán 100% các khoản vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn còn số dư tại đầu năm 2022.

Tại ngày 30/09/2023, nợ phải trả hợp nhất của Công ty khoảng 542 tỷ đồng, tăng mạnh (190%) so với cuối năm 2022. Trong đó, chủ yếu là do sự phát sinh của các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tài chính (200 tỷ đồng) và trái phiếu phát hành ngắn hạn (300 tỷ đồng).

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 38: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

| Các chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|----------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần) | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | 2,27 | 3,99 | 5,94 |

| Các chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|----------|----------|----------|
| (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | | | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%) | | | |
| Nợ/Tổng tài sản | 42,99% | 23,91% | 12,93% |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | 75,41% | 31,43% | 14,85% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Vòng) | | | |
| Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản bình quân | 0,24 | 0,28 | 0,15 |
| Doanh thu hoạt động/Vốn chủ sở hữu bình quân | 0,36 | 0,39 | 0,18 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%) | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động | 24,13% | 54,60% | 8,23% |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 8,71% | 21,23% | 1,49% |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 5,78% | 14,83% | 1,21% |
| Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu hoạt động | 27,56% | 67,07% | 8,58% |

Nguồn: Tính toán từ số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021 và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 của TCSC

Bảng 39: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất của Công ty

| Các chỉ tiêu | Năm 2022 |
|---|-----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần) | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | 6,36 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%) | |
| Nợ/Tổng tài sản | 13,40% |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | 15,47% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Vòng) | |
| Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản bình quân | 0,14 |
| Doanh thu hoạt động/Vốn chủ sở hữu bình quân | 0,18 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%) | |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động | 32,98% |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 5,83% (*) |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 4,72% |
| Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu hoạt động | 40,65% |

Nguồn: Tính toán từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022

(*) Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở BCTC hợp nhất, trong đó Lợi nhuận sau thuế là lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ và Vốn chủ sở hữu đã trừ phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Ghi chú: Các năm trước năm 2022, Công ty không có báo cáo tài chính hợp nhất.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, phản ánh năng lực thanh toán và đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn, đảm bảo cho Công ty không rơi vào tình trạng kiệt quệ tài chính. Hệ số thanh toán ngắn hạn hợp nhất năm 2022 là 6,36 lần, cao hơn rất nhiều so với mức an toàn (trên 1) cho thấy Công ty có năng lực thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty an toàn. Hệ số Nợ/Tổng tài sản hợp nhất và Nợ/Vốn chủ sở hữu hợp nhất năm 2022 lần lượt là 13,40% và 15,47% cho thấy Công ty có khả năng tự chủ tài chính cao, rủi ro từ áp lực trả nợ là rất thấp. Trong các năm tới, việc tăng trưởng về kết quả hoạt động kinh doanh (dựa theo kế hoạch kinh doanh năm 2023, 2024 và 2025 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua) sẽ giúp Công ty tăng thêm nguồn vốn chủ sở hữu từ đó sẽ làm giảm hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản hợp nhất năm 2022 là 0,14 vòng. Vòng quay vốn chủ sở hữu hợp nhất năm 2022 là 0,18 vòng. Các chỉ số về năng lực hoạt động còn khiêm tốn.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Về khả năng sinh lợi, các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lợi hợp đều phản ánh tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong đó, đáng chú ý là hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động và hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu hoạt động ở mức khá cao lần lượt là 32,98% và 40,65%. So sánh Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân hợp nhất của Công ty so với bình quân một số công ty cùng ngành (theo số liệu tổng hợp so sánh tình hình của một số công ty chứng khoán bên trên) thì hiệu quả hoạt động của TCSC khá tốt (đều đứng vị trí 2/7 công ty so sánh).

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

12.1.1. Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng 40: Danh sách Hội đồng quản trị

| TT | Họ tên | Chức danh | Năm sinh | Số CMND/CCCD |
|----|-----------------------|-------------------|----------|--------------|
| 1 | Ông Nguyễn Khánh Linh | Chủ tịch HĐQT | 1975 | 019075002196 |
| 2 | Ông Nguyễn Quốc Việt | Phó Chủ tịch HĐQT | 1981 | 023460213 |
| 3 | Ông Nguyễn Đông Hải | Phó Chủ tịch HĐQT | 1981 | 001081016542 |

| | | | | |
|---|---------------------|-------------------------|------|--------------|
| 4 | Ông Nguyễn Đức Hiếu | Thành viên HĐQT | 1982 | 024082000590 |
| 5 | Ông Phan Minh Trung | Thành viên HĐQT độc lập | 1981 | 042081014355 |

12.1.2. Lý lịch tóm tắt của thành viên Hội đồng quản trị

| Nguyễn Khánh Linh | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
|--|--|
| - Giới tính | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | 19/10/1975 |
| - Nơi sinh | Thái Nguyên |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Số CMND/CCCD | 019075002196, Ngày cấp: 01/11/2022, Nơi cấp: Cục CSQLHC về Trật tự xã hội |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | 60 H12 Giang Văn Minh, Phường An Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM |
| - Trình độ học vấn | Thạc sỹ |
| - Trình độ chuyên môn | Tài chính – Ngân hàng |
| - Chức vụ hiện nay tại Công ty | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | <ul style="list-style-type: none"> - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn 3 Group - Phó Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế TP.Hồ Chí Minh - Thành viên HĐQT & Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công |
| - Quá trình làm việc: | |
| ▪ 11/2022 – Hiện tại | Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công |
| ▪ 02/2022 – Hiện tại | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 07/2021 – Hiện tại | Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean |
| ▪ 03/2021 – Hiện tại | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết |
| ▪ 06/2020 – Hiện tại | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế TP.Hồ Chí Minh |
| ▪ 11/2011 – 03/2022 | Phó Chủ tịch HĐQT & TGD Công ty Cổ phần Ngoại thương & Phát triển Đầu tư TP.HCM |
| ▪ 2019 – 02/2021 | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết |
| ▪ 2019 – Hiện tại | Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean |
| ▪ 10/2019 – 08/2023 | Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital |

- 2019 – 05/2020 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
- 2018 – Hiện tại Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
- 2017 – 06/2022 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại Bất Động Sản Sài Gòn 3
- 2017 – 05/2020 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn
- 2015 – 05/2020 Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
- 2011 – 2016 Phó Chủ tịch Điều hành HĐQT Công ty CP Ngoại thương Phát triển và Đầu tư Tp.HCM
- 2006 – 2014 Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
- 2002 – 2006 Giảng viên Đại học Ngân hàng Tp.HCM
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu Không có
 - Người có liên quan

| Họ và tên | Mối quan hệ | GCNĐKKD/CMND, ngày cấp, nơi cấp | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % nắm giữ/VĐL |
|-----------------------------|-----------------------|--|------------------|---------------------|
| Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean | Thành viên HĐQT & TGD | 3603442211 cấp 24/01/2017 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai | 3.000.000 | 2,97% |

- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC Theo Nghị quyết ĐHCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC Không có

Nguyễn Quốc Việt

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính Nam
- Ngày tháng năm sinh 12/02/1981
- Nơi sinh Thái Nguyên
- Quốc tịch Việt Nam
- Số CMND/CCCD 023460213, Ngày cấp 07/06/2011, Nơi cấp: CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc Kinh
- Địa chỉ thường trú 11 Lô B, đường số 1, KDC Phú Mỹ, Tổ 5, Khu phố 1, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

- Trình độ học vấn Đại học
- Trình độ chuyên môn Tài chính
- Chức vụ hiện nay tại công ty Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT & TGD Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
 - Thành viên HĐQT & TGD Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
 - Thành viên HĐQT & Phó TGD Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean
 - Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Tp.HCM
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công
- Quá trình làm việc:
 - 11/2022 - Hiện tại Thành viên HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công
 - 04/2022 - Hiện tại Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam
 - 04/2022 - Hiện tại Thành viên Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Ngoại thương Phát triển và Đầu tư TP.HCM
 - 02/2022 - Hiện tại Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 11/2021 - Hiện tại Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP.HCM
 - 07/2021 - Hiện tại Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean
 - 07/2020 - 12/2020 Thành viên HĐQT & Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh
 - 06/2020 – 06/2023 Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh
 - 10/2019 - Hiện tại Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean
 - 01/2019 - Hiện tại Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
 - 2019 - 07/2021 Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean
 - 2019 - Hiện tại Hội Đồng Thành viên Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
 - 2018 - 05/2020 Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công



- 2018 - Hiện tại Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
- 2017 - 03/2022 Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn
- 2017 - Hiện tại Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
- 2016 - Hiện tại Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
- 2013 - 2016 Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ngoại thương Phát triển và Đầu tư Tp.HCM
- 2011 - 2013 Trưởng phòng Đầu tư Công ty Bamboo Captial
- 2007 - 2011 Phó Giám đốc Đầu tư Công ty Chứng khoán Sacombank
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu Không có
 - Người có liên quan

| Họ và tên | Mối quan hệ | GCNĐKKD/CMND, ngày cấp, nơi cấp | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % nắm giữ/VĐL |
|---------------------------------------|---------------------------|--|------------------|---------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | Thành viên HĐQT | 0313632180 cấp lần đầu ngày 22/01/2016 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh | 55.328.436 | 54,79% |
| Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean | Thành viên HĐQT & Phó TGD | 3603442211 cấp 24/01/2017 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai | 3.000.000 | 2,97% |

- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC Không có

Nguyễn Đông Hải

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính Nam
- Ngày tháng năm sinh 13/12/1981
- Nơi sinh TP Hồ Chí Minh
- Quốc tịch Việt Nam
- Số CMND/CCCD 001081016542, Ngày cấp: 23/12/2019, Nơi cấp: Cục CSQLHC về Trật tự xã hội
- Dân tộc Kinh
- Địa chỉ thường trú 1-9-5 Chung cư Phú Mỹ, Hoàng Quốc Việt, phường Phú Mỹ, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn: Tài chính
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn
- Quá trình làm việc:
 - 08/2023 - Hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
 - 07/2023 - Hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn
 - 11/2022 - Hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công
 - 06/2022 - Hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực (nay là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công)
 - 02/2022 - Hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 11/2021 - 07/2023: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Len Việt Nam
 - 06/2020 - 02/2022: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 10/2019 - 08/2023: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
 - 06/2019 - 04/2022: Thành viên HĐQT Công ty CP Bông Bạch Tuyết
 - 06/2019 - 08/2022: Thành viên HĐQT Công ty CP Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex)
 - 05/2019 - 06/2020: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 06/2018 - 05/2019: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 01/2016 - 04/2023: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
 - 2014 - 2015: Giám đốc Quỹ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 - 2010 - 2013: Trưởng phòng Quản lý danh mục đầu tư Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 - 2009 - 2010: Chuyên viên phân tích CTI Capital Securities tại Thành phố Montreal, Quebec, Canada
 - 2007 - 2009: Đi học Thạc sỹ tại Canada
 - 2004 - 2007: Kế toán viên tại Công ty Maersk Line, Singapore
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu Không có
 - Người có liên quan

| Họ và tên | Mối quan hệ | GCNĐKKD/CMND, ngày cấp, nơi cấp | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % nắm giữ/VĐL |
|---------------------------------------|---------------|--|------------------|---------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | Chủ tịch HĐQT | 0313632180 cấp lần đầu ngày 22/01/2016 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh | 55.328.436 | 54,79% |

- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC Không có

Nguyễn Đức Hiếu Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Giới tính Nam
- Ngày tháng năm sinh 21/08/1982
- Nơi sinh Bắc Giang
- Quốc tịch Việt Nam
- Số CMND/CCCD 024082000590, Ngày cấp: 18/09/2022, Nơi cấp: Cục CSQLHC về Trật tự xã hội
- Dân tộc Kinh
- Địa chỉ thường trú 65/20E Lý Long Tường, khu phố Mỹ Tú 3, Cn 1-2, phường Tân Phong, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn Tài chính
- Chức vụ hiện nay tại công ty Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình làm việc:
 - 12/2018 - Hiện tại Tổng Giám đốc CTCP Chứng Khoán Thành Công
 - 05/2020 - Hiện tại Thành viên HĐQT CTCP Chứng Khoán Thành Công
 - 06/2018 - 12/2018 Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công
 - 2017 - 6/2019 Phó giám đốc CTCP TM DV Tư Vấn Đầu Tư Sài Gòn 3
 - 2010 - 2016 Phó giám đốc QLDM Đầu tư - Công ty TNHH QLQ SSI
 - 2006 - 2010 Trưởng bộ phận đầu tư - Công ty TNHH chứng khoán ACB

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu: Không có
 - Người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC: Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC: Không có

Phan Minh Trung **Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/05/1981
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 042081014355, Ngày cấp: 13/01/2022, Nơi cấp: Cục CSQLHC về Trật tự xã hội
- Dân tộc: Kinh
- Tôn giáo: Không
- Địa chỉ thường trú: 102/8 Thích Quảng Đức, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Điện tử viễn thông
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh
- Quá trình làm việc:
 - 12/2021 – Hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP.HCM
 - 02/2022 – Hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Chứng Khoán Thành Công
 - 2020 – 12/2021: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP.HCM
 - 2018 – 2020: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH MTV Gelex Land
 - 2012 – 2016: Trưởng phòng Đầu tư CTCP Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C
 - 2011 – 2012: Trưởng phòng Đầu tư CTCP Bamboo Capital

- 2009 – 2011 Trưởng phòng Đầu tư, Chuyên viên cấp cao Công ty CP Chứng khoán Sacombank
- 02 – 09/2009 Phân tích đầu tư CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Thành Việt
- 2003 – 2008 Trưởng phòng Dự án, Kỹ sư công nghệ thông tin Công ty Điện toán và truyền số liệu (VDC)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu Không có
 - Người có liên quan Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty được từ TCSC
- Lợi ích liên quan với TCSC Không có

12.2. Ban Kiểm soát

12.2.1. Danh sách Ban Kiểm soát

Bảng 41: Danh sách Ban Kiểm soát

| TT | Họ tên | Chức danh | Năm sinh | Số CMND/CCCD |
|----|----------------------|----------------|----------|--------------|
| 1 | Trần Thị Nhân | Trưởng BKS | 1989 | 070189010138 |
| 2 | Trương Thị Hồng Nhạn | Thành viên BKS | 1988 | 075188026316 |
| 3 | Nguyễn Trung Hiếu | Thành viên BKS | 1983 | 087083014340 |

12.2.2. Lý lịch tóm tắt của thành viên Ban Kiểm soát

| Trần Thị Nhân | Trưởng Ban Kiểm soát |
|--------------------------------|---|
| - Giới tính | Nữ |
| - Ngày tháng năm sinh | 20/03/1989 |
| - Nơi sinh | Nghệ An |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Số CMND/CCCD | 070189010138 Ngày cấp: 23/09/2022, Nơi cấp: Cục CSQLHC về Trật tự xã hội |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Căn hộ 4.09, Lô B3, Chung cư Gia Hòa, Đường Huy Cận, Tổ dân phố 14, Khu phố 6, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM |
| - Trình độ học vấn | Đại học |
| - Trình độ chuyên môn | Kế toán Kiểm toán |
| - Chức vụ hiện nay tại công ty | Trưởng Ban kiểm soát |

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh
- Quá trình làm việc:
 - 06/2023 – Hiện nay Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 05/2023 – Hiện nay Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh
 - 09/2020 – 05/2023 Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh
 - 04/2018 – 11/2020 Giám đốc tài chính Công ty TNHH May Thêu Thuận Phương
 - 05/2016 – 04/2018 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần AMA (Việt Nam)
 - 12/2015 – 04/2016 Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH Thực phẩm và Giải khát Cảnh Điều Xanh (IPP Group)
 - 08/2015 – 12/2015 Trợ lý Giám đốc tài chính, Nhân viên Kiểm soát nội bộ
 - 08/2011 – 09/2015 Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu Không có
 - Người có liên quan Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC Không có

| Trương Thị Hồng Nhạn | Thành viên Ban Kiểm soát |
|-----------------------------|--|
| - Giới tính | Nữ |
| - Ngày tháng năm sinh | 01/01/1988 |
| - Nơi sinh | Đồng Nai |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Số CMND/CCCD | 075188026316 Ngày cấp: 04/10/2022, Nơi cấp: Cục CSQLHC về Trật tự xã hội |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | A25L, KP Bình Hòa, P. Bình Nhâm, TP.Thuận An, Tỉnh Bình Dương |

- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán – Kiểm toán
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn
- Quá trình làm việc:
 - 06/2023 – Hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 06/2020 – Hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh
 - 3/2023 – Hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn
 - 2019 – Hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
 - 2015 – 2019: Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
 - 2010 - 2015: Nhân viên Kế toán Kế toán Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu: Không có
 - Người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC: Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC: Không có

| Nguyễn Trung Hiếu | Thành viên Ban Kiểm soát |
|--------------------------|--|
| - Giới tính | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | 19/06/1983 |
| - Nơi sinh | Đồng Tháp |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Số CMND/CCCD | 087083014340 Ngày cấp: 14/06/2022, Nơi cấp: Cục CSQLHC về Trật tự xã hội |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Tổ 49, Khóm 5 Phường 01, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp |

- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
- Quá trình làm việc:
 - 07/2023 - Hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
 - 06/2023 - Hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 2019 - Hiện nay: Trưởng nhóm Quản trị Rủi ro Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 2017 - 2019: Giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH CT_Lotto
 - 2016 - 2017: Chuyên viên Quản lý Dự án và Phát triển thị trường Công ty TNHH MTV Sài Gòn Lott Việt Nam
 - 2012 - 2016: Chuyên viên môi giới – Trưởng nhóm môi giới Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya (SBBS)
 - 2008 - 2012: Kỹ sư – Quản lý Dự Án – Công ty TNHH Cấp Nước Hà Lan
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu: Không có
 - Người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC: Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC: Không có

12.3. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

12.3.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Bảng 42: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

| TT | Họ tên | Chức danh | Năm sinh | Số CMND/CCCD |
|----|------------------------|--------------------|----------|--------------|
| 1 | Nguyễn Đức Hiếu | Tổng Giám đốc | 1982 | 024082000590 |
| 2 | Trịnh Tấn Lực | Phó Tổng Giám đốc | 1977 | 075077012362 |
| 3 | Phạm Viết Lan Anh | Giám đốc tài chính | 1983 | 079183041473 |
| 4 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Kế toán trưởng | 1985 | 052185003365 |

12.3.2. Lý lịch tóm tắt của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Ông Nguyễn Đức Hiếu – Tổng Giám đốc nêu tại Mục Lý lịch tóm tắt của Hội đồng quản trị

| Trình Tồn Lục | Phó Tổng Giám đốc |
|--|--|
| - Giới tính | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh | 25/01/1977 |
| - Nơi sinh | Đồng Nai |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Số CMND/CCCD | 075077012362, Ngày cấp: 09/08/2022, Nơi cấp: do Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH. |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | 229/30A Tân Hương, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Trình độ học vấn | Thạc sỹ |
| - Trình độ chuyên môn | Tài chính – Ngân hàng |
| - Chức vụ hiện nay tại công ty | Phó Tổng Giám đốc, Người Phụ trách quản trị công ty |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |
| - Quá trình làm việc: | |
| ▪ 08/04/2022 - Hiện tại | Người Phụ trách quản trị công ty |
| ▪ 03/02/2020 - Hiện tại | Phó Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 10/12/2018 - 02/02/2020 | Giám đốc Điều hành Công ty CP Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 01/08/2017 - 09/12/2018 | Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 02/2014 - 07/2017 | Giám đốc Quản trị Rủi ro Công ty CP Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 05/2013 - 07/2017 | Thư ký Công ty Công ty CP Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 02/2008 - 07/2017 | Giám đốc Quy trình & Giám sát tuân thủ Công ty CP Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 05/2007 - 02/2008 | Trưởng Phòng Cơ lý Xưởng nhuộm Công ty CP Dệt may Thành Công |
| ▪ 04/2005 - 05/2007 | Chuyên viên cấp cao hệ thống QLCL (ISO) Công ty CP Dệt may Thành Công |
| ▪ 2002 - 03/2005 | Trưởng ca sản xuất Công ty Hualon Việt Nam (Hualon Corporation Vietnam) |
| - Hành vi vi phạm pháp luật: | Không có |
| - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan | |
| ▪ Cá nhân sở hữu: | 6.120 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,006%/vốn điều lệ |
| ▪ Người có liên quan: | Không có |

- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC Không có

| Phạm Viết Lan Anh | Giám đốc tài chính |
|--|--|
| - Giới tính | Nữ |
| - Ngày tháng năm sinh | 14/02/1983 |
| - Nơi sinh | Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Số CMND/CCCD | 079183041473, Ngày cấp: 17/08/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Chung cư Him Lam Chợ Lớn, 491 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Trình độ học vấn | Đại học |
| - Trình độ chuyên môn | Tài chính kế toán |
| - Chức vụ hiện nay tại công ty | Giám đốc tài chính |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital |
| - Quá trình làm việc: | |
| ▪ 08/2023 - Hiện nay | Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital |
| ▪ 05/2023 - Hiện nay | Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 04/2023 - Hiện nay | Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital |
| ▪ 04/2023 - 05/2023 | Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công |
| ▪ 08/2022 - Hiện nay | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết |
| ▪ 04/2022 - 08/2022 | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết |
| ▪ 05/2020 - 02/2022 | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công |

- 2019 - 07/2023 Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn
 - 2018 - Hiện nay Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
 - 2018 - 05/2020 Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 2018 - Hiện nay Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
 - 2018 - Hiện nay Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean
 - 2017 - 2018 Giám đốc đầu tư CTCP TMDV Tư vấn Đầu tư Sài Gòn 3
 - 01/2017 - 12/2017 Quản lý đầu tư Maj Invest Vietnam
 - 2011 - 2016 Quản lý đầu tư CTCP Quản lý Quỹ Bản Việt
 - 2009 - 2011 Phó phòng phân tích CTCP Chứng khoán Bảo Việt
 - 2008 - 2009 Chuyên viên phân tích thị trường Thomson Reuters, Singapore
 - 2007 - 2008 Chuyên viên phân tích kinh doanh Ngân hàng Citi Bank Singapore
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - Người có liên quan:

| Họ và tên | Mối quan hệ | GCNĐKKD/CMND, ngày cấp, nơi cấp | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % nắm giữ/VĐL |
|---------------------------------------|------------------------------------|--|------------------|---------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 0313632180 cấp lần đầu ngày 22/01/2016 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh | 55.328.436 | 54,79% |
| Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean | Phó Tổng Giám đốc | 3603442211 cấp 24/01/2017 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai | 3.000.000 | 2,97% |

- Quyền lợi mâu thuẫn với TCSC: Không có
- Các khoản nợ đối với TCSC: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCSC: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty
- Lợi ích liên quan với TCSC: Không có

Nguyễn Thị Phương Thảo Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh 16/11/1985
- Nơi sinh Bình Định
- Quốc tịch Việt Nam
- Số CMND/CCCD 052185003365, Ngày cấp: 29/04/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH
- Dân tộc Kinh
- Địa chỉ thường trú C/c Đào Duy Từ, Phường 14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn Tài chính – Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại công ty Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Kế toán trưởng Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công
- Quá trình làm việc:
 - 06/2022 – Hiện tại Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực (nay là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công)
 - 06/2022 – Hiện tại Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công
 - 06/2018 – 05/2022 Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công
 - 01/2018 – Hiện tại Kế toán trưởng Công ty TNHH Đầu Tư Sài Gòn 3 Capital
 - 07/2020 – 10/2020 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Thành phố Hồ Chí Minh
 - 10/2017 – 12/2017 Kế Toán trưởng Công ty CP TM Bất Động Sản Sài Gòn 3
 - 05/2017 – 10/2017 Kế Toán Tổng hợp Công ty CP Bất Động Sản Tiến Phước
 - 04/2014 – 04/2019 Kế Toán trưởng Công ty TNHH ĐTXD CSHT KCN Chơn Thành
 - 08/2012 – 05/2017 Kế Toán Tổng hợp Công ty CP Ngoại Thương và Phát triển Đầu Tư TP.HCM
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Cá nhân sở hữu Không có
 - Người có liên quan

| Họ và tên | Mối quan hệ | GCNĐKKD/CMND, ngày cấp, nơi cấp | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % nắm giữ/VĐL |
|---------------------------------------|----------------|--|------------------|---------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | Kế toán trưởng | 0313632180 cấp lần đầu ngày 22/01/2016 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh | 55.328.436 | 54,79% |

- Quyền lợi mâu thuẫn với Không có TCSC
- Các khoản nợ đối với TCSC Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận Không có được từ TCSC
- Lợi ích liên quan với TCSC Không có

13. Tài sản

Tình hình các loại tài sản tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023.

Bảng 43: Tài sản tài chính của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| Các loại tài sản tài chính | 31/12/2020 | | 31/12/2021 | | 31/12/2022 | | 30/09/2023 | |
|---|----------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|----------------------|
| | Giá mua | Giá trị đánh giá lại | Giá mua | Giá trị đánh giá lại | Giá mua | Giá trị đánh giá lại | Giá mua | Giá trị đánh giá lại |
| Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 28.911 | 28.876 | 122.846 | 143.825 | 11 | - | 11 | - |
| Cổ phiếu niêm yết | 28.900 | 28.876 | 122.835 | 143.825 | - | - | - | - |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 11 | - | 11 | - | 11 | - | 11 | - |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 220.364 | 256.366 | 70.464 | 66.311 | 400.537 | 335.518 | 380.838 | 379.726 |
| Tổng cộng | 249.275 | 285.242 | 193.310 | 210.135 | 400.548 | 335.518 | 380.848 | 379.726 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 44: Tài sản tài chính hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

| Các loại tài sản tài chính | 01/01/2022 | | 31/12/2022 | | 30/09/2023 | |
|---|------------|----------------------|------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Giá mua | Giá trị đánh giá lại | Giá mua | Giá trị đánh giá lại | Giá mua | Giá trị đánh giá lại |
| Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 122.846 | 143.825 | 18.353 | 11.390 | 65.758 | 60.860 |

| Các loại tài sản tài chính | 01/01/2022 | | 31/12/2022 | | 30/09/2023 | |
|--|----------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|----------------------|
| | Giá mua | Giá trị đánh giá lại | Giá mua | Giá trị đánh giá lại | Giá mua | Giá trị đánh giá lại |
| Cổ phiếu niêm yết | 122.835 | 143.825 | 18.342 | 11.390 | 65.748 | 60.860 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 11 | - | 11 | - | 11 | - |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 70.464 | 66.311 | 400.537 | 335.518 | 482.021 | 484.329 |
| Tổng cộng | 193.310 | 210.135 | 418.890 | 346.908 | 547.780 | 545.189 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

Giá trị tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023 được thể hiện như sau:

Bảng 45: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/NG |
|---------------------------------|---------------|-----------------|---------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 17.256 | 7.904 | 45,80% |
| Máy móc, thiết bị | 15.561 | 6.604 | 42,44% |
| Phương tiện, vận tải truyền dẫn | 1.462 | 1.291 | 88,33% |
| Thiết bị văn phòng | 233 | 9 | 3,74% |
| Tài sản cố định vô hình | 28.515 | 9.062 | 31,78% |
| Phần mềm máy vi tính | 27.930 | 8.516 | 30,49% |
| TSCĐVH khác | 585 | 546 | 93,21% |
| Tổng cộng | 45.771 | 16.966 | 37,07% |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của TCSC

Bảng 46: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/NG |
|---------------------------------|---------------|-----------------|---------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 21.136 | 10.439 | 49,39% |
| Máy móc, thiết bị | 19.370 | 9.226 | 47,63% |
| Phương tiện, vận tải truyền dẫn | 1.462 | 1.145 | 78,33% |
| Thiết bị văn phòng | 304 | 68 | 22,28% |
| Tài sản cố định vô hình | 29.507 | 8.501 | 28,81% |
| Phần mềm máy vi tính | 28.922 | 8.072 | 27,91% |
| TSCĐVH khác | 585 | 428 | 73,21% |
| Tổng cộng | 50.643 | 18.940 | 37,40% |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của TCSC

Bảng 47: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/NG |
|---------------------------------|---------------|-----------------|---------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 20.726 | 8.286 | 39,98% |
| Máy móc, thiết bị | 20.250 | 8.081 | 39,91% |
| Phương tiện, vận tải truyền dẫn | - | - | - |
| Thiết bị văn phòng | 476 | 205 | 43,01% |
| Tài sản cố định vô hình | 31.765 | 8.939 | 28,14% |
| Phần mềm máy vi tính | 31.180 | 8.627 | 27,67% |
| TSCĐVH khác | 585 | 311 | 53,21% |
| Tổng cộng | 52.491 | 17.225 | 32,81% |

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022 của TCSC

Bảng 48: Giá trị tài sản cố định hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/NG |
|---------------------------------|---------------|-----------------|---------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 21.489 | 8.286 | 38,56% |
| Máy móc, thiết bị | 21.013 | 8.081 | 38,46% |
| Phương tiện, vận tải truyền dẫn | - | - | - |
| Thiết bị văn phòng | 476 | 205 | 43,01% |
| Tài sản cố định vô hình | 32.312 | 9.231 | 28,57% |
| Phần mềm máy vi tính | 31.727 | 8.919 | 28,11% |
| TSCĐVH khác | 585 | 311 | 53,21% |
| Tổng cộng | 53.802 | 17.517 | 32,56% |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của TCSC

Bảng 49: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2023

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/NG |
|---------------------------------|---------------|-----------------|---------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 20.768 | 6.776 | 32,63% |
| Máy móc, thiết bị | 20.250 | 6.561 | 32,40% |
| Phương tiện, vận tải truyền dẫn | - | - | - |
| Thiết bị văn phòng | 518 | 215 | 41,56% |
| Tài sản cố định vô hình | 35.565 | 10.755 | 30,24% |
| Phần mềm máy vi tính | 34.979 | 10.531 | 30,11% |
| TSCĐVH khác | 585 | 224 | 38,21% |
| Tổng cộng | 56.333 | 17.531 | 31,12% |

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng Quý III/2023 của TCSC

Bảng 50: Giá trị tài sản cố định hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/09/2023

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/NG |
|---------------------------------|---------------|-----------------|---------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 21.531 | 6.776 | 31,47% |
| Máy móc, thiết bị | 21.013 | 6.561 | 31,22% |
| Phương tiện, vận tải truyền dẫn | - | - | - |
| Thiết bị văn phòng | 518 | 215 | 41,56% |
| Tài sản cố định vô hình | 36.112 | 11.003 | 30,47% |
| Phần mềm máy vi tính | 35.527 | 10.779 | 30,34% |
| TSCĐVH khác | 585 | 224 | 38,21% |
| Tổng cộng | 57.644 | 17.779 | 30,84% |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023 của TCSC

14. Tình hình sử dụng đất đai

Bảng 51: Danh mục đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng

| Tài sản thuê | Địa chỉ | Thời hạn thuê |
|-------------------------|---|---------------------|
| Trụ sở chính công ty mẹ | Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | Đến ngày 29/04/2026 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022 của TCSC

15. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch năm 2023, 2024 và 2025

Bảng 52: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2023, 2024 và 2025

Đơn vị tính: triệu đồng, %

| Khoản mục | Kế hoạch năm 2023 | | Kế hoạch năm 2024 | | Kế hoạch năm 2025 | |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | Giá trị | % (+/-) 2023/2022 | Giá trị | % (+/-) 2024/2023 | Giá trị | % (+/-) 2025/2024 |
| Doanh thu | 255.674 | 17,00% | 381.831 | 49,34% | 483.213 | 26,55% |
| Lợi nhuận trước thuế | 141.558 | 65,05% | 185.127 | 30,78% | 234.281 | 26,55% |
| Lợi nhuận sau thuế | 113.247 | 61,77% | 148.102 | 30,78% | 187.424 | 26,55% |
| Vốn chủ sở hữu | 1.878.716 | 55,69% | 2.025.960 | 7,84% | 2.212.527 | 9,21% |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần | 44,29% | 38,27% | 38,79% | (12,43%) | 38,79% | - |
| Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân | 7,34% | 26,44% | 7,31% | (0,42%) | 8,84% | 20,98% |

| Khoản mục | Kế hoạch năm 2023 | | Kế hoạch năm 2024 | | Kế hoạch năm 2025 | |
|-----------|-------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|-----------|
| | Giá trị | % (+/-) | Giá trị | % (+/-) | Giá trị | % (+/-) |
| | | 2023/2022 | | 2024/2023 | | 2025/2024 |
| Cổ tức | 5,00% | N/A | 5,00% | - | 5,00% | - |

Nguồn: TCSC

Ghi chú:

Số liệu kế hoạch năm 2023, 2024 và 2025 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết 2 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2023

Kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 hồi phục trở lại nhờ:

- Ảnh hưởng tích cực từ thị trường tài chính toàn cầu.
- Trung Quốc mở cửa trở lại nền kinh tế.
- Động lực từ tăng trưởng kinh tế vĩ mô trong nước.
- Sự tham gia ngày càng mạnh mẽ của khối ngoại.
- Các chính sách và biện pháp hỗ trợ của Nhà nước.

Kế hoạch hoạt động của Công ty

Để thực hiện các kế hoạch, mục tiêu đã đề ra, TCSC sẽ tiếp tục đầu tư và đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Đối với hoạt động môi giới

Đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng VIP, tập trung phát triển khách hàng theo chiều sâu, chú trọng vào khách hàng tổ chức, khách hàng cá nhân chuyên nghiệp thông qua việc nghiên cứu và cung cấp thêm sản phẩm dịch vụ mới, tạo điều kiện cho khách hàng có thêm nhiều sự lựa chọn, đa dạng hóa kênh đầu tư, nâng mức khả năng sinh lời.

Tiếp tục nâng cao năng lực chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự môi giới, chăm sóc khách hàng, vừa có khả năng phát triển khách hàng mới vừa có khả năng chăm sóc khách hàng và khả năng tư vấn tốt.

- Đối với hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán

Đẩy mạnh hoạt động tư vấn đầu tư, vừa có khả năng cung cấp các báo cáo phân tích có chất lượng, chú trọng vào chất lượng hơn số lượng, nâng cao khả năng dự báo, tư vấn và đưa ra các khuyến nghị chuyên nghiệp và hiệu quả trên cơ sở có chọn lọc, tập trung và đúng mục tiêu.

- Đối với hoạt động tự doanh

Chủ động cơ cấu các khoản đầu tư theo hướng thận trọng, xây dựng danh mục đầu tư đa dạng, hiệu quả trên cơ sở dự báo các kịch bản khác nhau của thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và thu xếp vốn

Tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ thu xếp vốn, từng bước mở rộng database khách hàng. Chú trọng và đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng đầu tư mang lại hiệu quả cao, đóng góp vào hiệu quả kinh doanh chung của TCSC nhưng đồng thời phát triển đa dạng khách hàng mới để vừa gia tăng nguồn thu mới vừa hỗ trợ các hoạt động kinh doanh khác của TCSC.

- Đối với hoạt động vận hành, kiểm soát và quản trị rủi ro

Chú trọng công tác kiểm soát, quản trị rủi ro, an toàn hệ thống, an toàn tài chính.

Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin một cách bài bản, chuyên nghiệp hóa, hỗ trợ chặt chẽ cho hoạt động kinh doanh, vận hành một cách thông suốt và hiệu quả.

15.3. Đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch

Kế hoạch kinh doanh năm 2023, 2024 và 2025 (đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua) dựa trên cơ sở nhận định về tình hình kinh tế thế giới và trong nước tại thời điểm thông qua. Tuy nhiên, các biến số kinh tế vĩ mô của thế giới và trong nước đã và đang có những diễn biến khó lường, phức tạp và khó đoán. Do vậy, tùy vào tình hình thực tế phát sinh, Công ty có thể sẽ rà soát, điều chỉnh (nếu có) và trình ĐHĐCĐ thông qua điều chỉnh (nếu có), trong trường hợp đó, Công ty sẽ công bố thông tin theo quy định.

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2023, Công ty đạt khoảng 51% kế hoạch doanh thu, khoảng 39% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Thị trường chứng khoán luôn có sự biến động bởi sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố, tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, rủi ro về thị trường đã thấp hơn bởi kỳ vọng về sự phục hồi của thị trường trong thời gian tới trở nên mạnh mẽ nhờ các yếu tố vĩ mô tốt hơn, mặt bằng lãi suất giảm đáng kể và dòng tiền dần quay trở lại thị trường. Dựa vào sự kỳ vọng phục hồi của thị trường nêu trên, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận năm 2023 có khả năng hoàn thành nhờ sự cải thiện đáng kể của hoạt động tự doanh, hoạt động cho vay ký quỹ và hoạt động môi giới. Đây là những hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty và sự phục hồi của các hoạt động này có thể giúp Công ty hoàn thành kế hoạch lợi nhuận.

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty chưa có bất kỳ quyết định nào liên quan đến việc trình Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh kế hoạch năm 2023.

15.4. Kế hoạch đầu tư dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua

Hiện tại, ĐHĐCĐ, HĐQT chưa thông qua kế hoạch đầu tư dự án nào theo thẩm quyền trong năm 2023. Trường hợp ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định thông qua kế hoạch đầu tư dự án theo thẩm quyền, mà theo quy định phải công bố thông tin thì Công ty sẽ công bố thông tin theo quy định.

15.5. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (gọi tắt chung là phương án phát hành cổ phiếu) theo Nghị quyết 1 ngày 26/02/2022 (gọi tắt là Nghị quyết 1 năm 2022). Tuy nhiên, do thị trường chung không thuận lợi nên Công ty chưa thực hiện Nghị quyết 1 nêu trên.

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc chưa thực hiện Nghị quyết 1 năm 2022, trình và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua việc tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (gọi tắt là phương án chào bán cổ phiếu) và phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (gọi tắt là phương án ESOP). Tuy nhiên có một số thay đổi cơ bản về nội dung so với nội dung nêu tại Nghị quyết 1 năm 2022, tóm tắt các điểm chính như sau:

- Đối với phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 thì vẫn giữ nguyên tỷ lệ cổ tức là 14,5%.
- Đối với phương án chào bán cổ phiếu thì thay đổi các điểm chính như sau:
 - Một là, phương án này thực hiện sau khi đã hoàn tất việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021.
 - Hai là, tỷ lệ phát hành mới là 44% tính trên số cổ phiếu sau khi đã hoàn tất việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 (tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:44).
 - Ba là, số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến mới là 50.873.715 cổ phiếu, với giá chào bán không đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Đối với phương án ESOP thì giữ nguyên số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 5.000.000 cổ phiếu với giá phát hành giữ nguyên là 10.000 đồng/cổ phiếu, tuy nhiên rút ngắn thời gian hạn chế chuyển nhượng xuống còn 01 năm.
- Đối với phần ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thì bổ sung làm rõ thêm nội dung HĐQT có quyền quyết định có thể thực hiện một hoặc hai hoặc cả ba phương án nêu trên và mỗi lần thực hiện có thể thực hiện một phương án hoặc kết hợp các phương án cùng lúc trong số ba phương án nêu trên.
- Và thay đổi, chỉnh sửa câu từ để phù hợp với toàn bộ phương án phát hành cổ phiếu

Từ những điều chỉnh nêu trên, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu đã sửa đổi, bổ sung dưới dạng toàn văn như sau:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua việc tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động để tăng vốn điều lệ, tóm tắt phương án như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

- Mã cổ phiếu : TCI
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 100.979.982 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : Không có
- Tỷ lệ cổ phiếu phát hành trả cổ tức : 14,5% (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 200:29 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền và cứ 200 quyền thì nhận được 29 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).
- Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến : 14.642.097 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá dự kiến : 146.420.970.000 đồng
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành cho từng cổ đông sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị, phần số lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ, tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, ông Nguyễn Văn A sở hữu 1.005 cổ phiếu TCI thì sẽ nhận được $1.005 \times 29/200 = 145,7$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ nhận được 145 cổ phiếu mới sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần số lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ bị hủy.
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông Công ty vào thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam/Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) lập.
- Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021.
- Quy định về hạn chế chuyển nhượng : Không hạn chế chuyển nhượng.
- Nguồn phát hành trả cổ tức : Từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- Thời gian thực hiện : ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm thực hiện cụ thể.

II. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (gọi tắt là phương án chào bán cổ phiếu)

(Phương án này thực hiện sau khi đã hoàn tất việc trả cổ tức bằng cổ phiếu nêu tại Mục I ở trên)

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
- Mã cổ phiếu : TCI
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến : 50.873.715 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu chào bán dự kiến theo mệnh giá : 508.737.150.000 đồng
- Mục đích chào bán : Bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty
- Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách do VSD lập tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Phương thức phân phối cổ phiếu : Cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:44 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 44 cổ phiếu mới theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) được ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác).
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán : Căn cứ vào tình hình thị trường, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường, giá trị sổ sách cổ phiếu, sự pha loãng và đối tượng phân phối.
- Điều kiện hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng
- Chuyển nhượng quyền mua : Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần
- Phương án xử lý cổ phiếu chào bán chưa phân phối hết : Số cổ phiếu chào bán chưa phân phối hết bao gồm: (1) số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua; (2) số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu; (3) số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu xin phép chào bán và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 100:44;
ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối số cổ phiếu chào bán chưa phân phối hết nêu trên cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ

đồng hiện hữu và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định tiêu chí, danh sách cụ thể cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác được phân phối số cổ phiếu chào bán chưa phân phối hết.

Số cổ phiếu chào bán chưa phân phối hết do HĐQT quyết định phân phối cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

ĐHĐCĐ thông qua việc phân phối số cổ phiếu chào bán chưa phân phối hết cho các nhà đầu tư thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế, HĐQT có thể quyết định không phân phối hoặc phân phối một phần số cổ phiếu chào bán chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế.

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu : 508.737.150.000 đồng
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu : Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng cho vay giao dịch ký quỹ (margin), dự kiến giải ngân theo thực tế phát sinh.

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế, có thể quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần đợt này, điều chỉnh quy mô vốn thu được từ đợt chào bán, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

Công ty sẽ phải thực hiện đúng quy định tại khoản 2 và 3 Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Thời gian dự kiến thực hiện : ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm thực hiện cụ thể.

- Mức độ pha loãng cổ phiếu : Việc phát hành thêm và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:
 Pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)
 Pha loãng Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)
 Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.
 Pha loãng giá giao dịch cổ phiếu.

III. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (gọi tắt là phương án ESOP)

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
- Mã cổ phiếu : TCI
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 5.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá) : 50.000.000.000 đồng
- Mục đích phát hành : Tạo sự gắn bó và cống hiến của lãnh đạo và người lao động cho sự phát triển của Công ty
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động
- Đối tượng phát hành : Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người lao động đã ký hợp đồng lao động với Công ty tại thời điểm lập danh sách.
 ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định nguyên tắc/tiêu chuẩn/danh sách chi tiết đối tượng được phân phối và số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, quy định các vấn đề chi tiết khác có liên quan.
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số tiền dự kiến thu được đợt phát hành cổ phiếu ESOP : 50.000.000.000 đồng
- Phương án sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ESOP : Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành cổ phiếu ESOP là để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty, cụ thể là sử dụng cho vay giao dịch ký quỹ (margin), dự kiến giải ngân theo thực tế phát sinh.

- Nguyên tắc xác định giá : Căn cứ vào tình hình thị trường, giá trị thị trường, phát hành giá trị sổ sách cổ phiếu và đối tượng phân phối.
- Điều kiện hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu phát hành cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Thời gian phát hành dự : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm thực hiện cụ thể.
- Phương thức xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết : Số lượng cổ phiếu do CBCNV không đăng ký mua hết được ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT phân phối cho một/một số người lao động trong Công ty với mức giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 có thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, tuy nhiên, do thị trường biến động không thuận lợi, Công ty chưa thực hiện phương án này và tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT Công ty đã trình ĐHĐCĐ về việc hủy bỏ phương án này và đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Trong tháng 9 năm 2023, Công ty đã triển khai thực hiện việc phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, với một số nội dung chính như sau:

- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm
- Mã trái phiếu: TCIH2324001
- Mệnh giá: 100.000.000 VND/01 trái phiếu
- Khối lượng trái phiếu phát hành: 300.000.000.000 VND
- Kỳ hạn trái phiếu: 01 (một) năm
- Đồng tiền phát hành và thanh toán: Đồng Việt Nam (VND)
- Lãi suất: 11%/năm
- Mục đích phát hành: cơ cấu lại nợ của Công ty
- Đối tượng phát hành: nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định
- Ngày phát hành: 11/9/2023

Đến hết ngày 29/9/2023, TCSC đã nhận đủ 300 tỷ đồng từ nhà đầu tư đặt mua trái phiếu.

Đánh giá về việc phát hành trái phiếu của TCSC trong năm 2023

Việc phát hành trái phiếu với mục đích phát hành là cơ cấu lại nợ của Công ty, về cơ bản, không làm tăng thêm nợ gốc của Công ty và việc phát hành này cũng đã được Hội đồng quản trị Công ty cân nhắc kỹ lưỡng và tính toán nhiều mặt, đặc biệt liên quan đến việc hoàn trả vốn gốc và lãi trái phiếu. Công ty luôn chú trọng đến việc quản trị rủi ro hoạt động kinh doanh một cách chặt chẽ nên tự tin và cam kết sẽ thanh toán đầy đủ và đúng hạn nợ gốc và lãi trái phiếu cho trái chủ.

Ngoài ra, trái phiếu này là trái phiếu có bảo đảm, được Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (gọi tắt là SG3Cap) là Công ty mẹ của Công ty dùng cổ phiếu TCI do SG3Cap sở hữu

bảo đảm cho trái phiếu này. Điều này thể hiện cam kết mạnh mẽ của Công ty và Công ty mẹ trong việc bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho trái chủ một cách an toàn.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Ngày 04/08/2020, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ra Bản án số 1145/2020/KDTM-ST tuyên xử chấp thuận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của TCSC, buộc ông Đoàn Quang Sang phải thanh toán số tiền khoảng 6,47 tỷ đồng, bao gồm nợ gốc 4 tỷ đồng và các khoản khác với số tiền khoảng 2,47 tỷ đồng. Ngay sau đó, TCSC cũng đã có đơn yêu cầu thi hành án gửi Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thi hành bản án. Cục thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh cũng đã có quyết định số 1586/QĐ-CTHADS ngày 17/02/2021 cho thi hành bản án. Ngày 06/07/2023, VSDC đã thực hiện chuyển quyền sở hữu cổ phiếu TCI từ ông Đoàn Quang Sang cho Cục Thi Hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh với số lượng là 208.000 cổ phiếu và ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu là ngày 06/07/2023.

Đến ngày 30/09/2023, TCSC đã trích lập dự phòng đủ 100% (4 tỷ đồng) tiền gốc. Tuy nhiên, các khoản khác khoảng 2,47 tỷ đồng TCSC chưa ghi nhận thu nhập do không chắc chắn về khả năng thu hồi, do đó không thực hiện trích lập dự phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8/8/2019 thì đối tượng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng doanh nghiệp không thu hồi được đúng hạn. Tuy nhiên, khoản tiền khoảng 2,47 tỷ đồng nêu trên Công ty chưa ghi nhận là khoản phải thu nên chưa đủ cơ sở để xem xét trích lập dự phòng.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành 100.979.982 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết: không có

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (gọi tắt là Nghị định 155): “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Bảng 53: Danh sách người nội bộ và cổ đông lớn có liên quan đến người nội bộ cam kết hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu kể từ ngày giao dịch đầu tiên

| Tên cổ đông | Chức vụ | Tổng số lượng cổ phiếu (SLCP) đang sở hữu | SLCP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên | Tỷ lệ % sở hữu | SLCP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo | Tỷ lệ % sở hữu |
|-------------------------------|--|---|--|----------------|--|----------------|
| TNHH Đầu Tư Sài Gòn 3 Capital | Cổ đông lớn là người có liên quan của Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT | 55.328.436 | 55.328.436 | 54,79 | 27.664.218 | 27,40 |
| Trịnh Tấn Lực | Phó Tổng Giám đốc | 6.120 | 6.120 | 0,006 | 3.060 | 0,003 |
| Phạm Việt Lan Anh | Giám đốc tài chính | 3.000 | 3.000 | 0,003 | 1.500 | 0,0015 |
| Tổng cộng | | 55.337.556 | 55.337.556 | 54,80 | 27.668.778 | 27,40 |

Nguồn: Theo cam kết năm giữ chứng khoán

5. Phương pháp tính giá

5.1. Giá trị sổ sách

Phương pháp tính giá theo giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2021 (Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021) như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi thế thương mại}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{1.196.624.282.155 - 0}{100.979.982} = 11.850$$

Phương pháp tính giá theo giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022) như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi thế thương mại}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{1.205.732.369.471 - 67.827.906.285}{100.979.982} = 11.269$$

Phương pháp tính giá theo giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2023 (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023) như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi thế thương mại}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{1.326.353.668.641 - 62.668.726.143}{100.979.982} = 12.514$$

Ghi chú:

Các năm trước năm 2022 TCSC không có Báo cáo tài chính hợp nhất. Vốn chủ sở hữu dùng để tính giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2021 được lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021. Vốn chủ sở hữu dùng để tính giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2022 và tại ngày 30/09/2023 lần lượt là Vốn chủ sở hữu đã trừ phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 và Vốn chủ sở hữu đã trừ phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2023.

Cách tính giá trị sổ sách cổ phiếu TCI và kết quả nêu trên chỉ mang tính chất tham khảo và chỉ thể hiện quan điểm riêng của TCSC. Các nhà đầu tư có thể tự mình nghiên cứu và có cách tính toán khác và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình mà không phụ thuộc vào cách tính cũng như kết quả giá trị sổ sách cổ phiếu nêu tại mục này.

5.2. Giá thị trường

Giá thị trường sẽ được tính bằng bình quân giá tham chiếu của 30 phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên Upcom để chuyển sang giao dịch trên HOSE.

Giá trị bình quân giá tham chiếu 30 phiên giao dịch gần nhất của TCI trên Upcom tạm tính từ ngày 06/10/2023 đến ngày 16/11/2023 là **10.310 đồng/cổ phiếu**, cụ thể:

Bảng 54: Giá tham chiếu 30 phiên giao dịch gần nhất của TCI tính đến ngày 16/11/2023

| STT | Ngày giao dịch | Giá tham chiếu của cổ phiếu TCI (đồng/cổ phiếu) |
|-----|----------------|---|
| 1 | 16/11/2023 | 10.700 |
| 2 | 15/11/2023 | 10.600 |
| 3 | 14/11/2023 | 10.500 |
| 4 | 13/11/2023 | 10.500 |
| 5 | 10/11/2023 | 10.600 |
| 6 | 09/11/2023 | 10.400 |
| 7 | 08/11/2023 | 10.000 |
| 8 | 07/11/2023 | 10.000 |
| 9 | 06/11/2023 | 10.000 |
| 10 | 03/11/2023 | 9.900 |
| 11 | 02/11/2023 | 9.500 |
| 12 | 01/11/2023 | 9.300 |
| 13 | 31/10/2023 | 9.600 |
| 14 | 30/10/2023 | 9.700 |
| 15 | 27/10/2023 | 9.800 |
| 16 | 26/10/2023 | 10.400 |
| 17 | 25/10/2023 | 10.400 |

| STT | Ngày giao dịch | Giá tham chiếu của cổ phiếu TCI (đồng/cổ phiếu) |
|----------------------|----------------|---|
| 18 | 24/10/2023 | 10.400 |
| 19 | 23/10/2023 | 10.200 |
| 20 | 20/10/2023 | 10.200 |
| 21 | 19/10/2023 | 10.400 |
| 22 | 18/10/2023 | 10.800 |
| 23 | 17/10/2023 | 11.000 |
| 24 | 16/10/2023 | 11.100 |
| 25 | 13/10/2023 | 11.000 |
| 26 | 12/10/2023 | 10.800 |
| 27 | 11/10/2023 | 10.700 |
| 28 | 10/10/2023 | 10.400 |
| 29 | 09/10/2023 | 10.200 |
| 30 | 06/10/2023 | 10.200 |
| Giá bình quân | | 10.310 |

Nguồn: HNX

Giá trị vốn hóa của Công ty bình quân 30 phiên từ ngày 06/10/2023 đến ngày 16/11/2023 khoảng **1.041,10 tỷ đồng**.

Mức giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TCI sẽ được xác định lại sau khi HOSE cấp Quyết định niêm yết và cổ phiếu TCI của Công ty được hủy đăng ký giao dịch trên UPCOM. Công ty sẽ thông báo đến HOSE về mức giá tham chiếu chính thức bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết và thực hiện công bố thông tin.

6. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE được xác định áp dụng theo điểm a khoản 1 Điều 109 Nghị định 155, theo đó, Công ty sẽ xác định giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TCI là bình quân giá tham chiếu 30 (ba mươi) phiên giao dịch cuối cùng trước khi hủy đăng ký giao dịch UPCOM trên HNX.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện tại theo quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Công văn số 3015/UBCK-QLKD ngày 21/06/2021 về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại TCSC là 100%. Trường hợp nếu có bất kỳ thay đổi nào của quy định pháp luật và quy định của TCSC liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại TCSC thì TCSC sẽ thực hiện điều chỉnh (nếu có) phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và công bố thông tin theo quy định.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Đối với Công ty

✦ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi năm 2013 thì mức thuế suất áp dụng đối với Công ty là 20%.

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của TCSC được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

✦ Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của TCSC thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà TCSC phải chịu sẽ tùy hoạt động có mức thuế suất phù hợp theo quy định của Luật thuế hiện hành.

8.2. Đối với nhà đầu tư

a) Đối với nhà đầu tư cá nhân

✦ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

✦ Thu nhập từ cổ tức

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân, thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%;

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

b) Đối với nhà đầu tư tổ chức

✦ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Tổ chức trong nước: Theo Văn bản hợp nhất 14/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

- Trụ sở chính: số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3547 2972
- Fax: (028) 3547 2970

VIII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

| STT | Số hiệu văn bản | Ngày ban hành | Trích yếu |
|-----|-----------------|---------------|---|
| 1 | 54/2019/QH14 | 26/11/2019 | Luật Chứng khoán số 54. |
| 2 | 155/2020/NĐ-CP | 31/12/2020 | Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. |
| 3 | 156/2020/NĐ-CP | 31/12/2020 | Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. |

| STT | Số hiệu văn bản | Ngày ban hành | Trích yếu |
|-----|-----------------|---------------|--|
| 4 | 158/2020/NĐ-CP | 31/12/2020 | Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. |
| 5 | 153/2020/NĐ-CP | 31/12/2020 | Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. |
| 6 | 102/2021/TT-BTC | 17/11/2021 | Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định giá dịch vụ áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào TTCK. |
| 7 | 58/2021/TT-BTC | 12/07/2021 | Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12/07/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. |
| 8 | 51/2021/TT-BTC | 30/06/2021 | Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. |
| 9 | 47/2021/TT-BTC | 24/06/2021 | Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/06/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi Covid 19. |
| 10 | 30/2021/TT-BTC | 14/05/2021 | Thông tư số 30/2021/TT-BTC ngày 14/05/2021 của Bộ Tài chính về việc kéo dài hiệu lực thi hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. |
| 11 | 119/2020/TT-BTC | 31/12/2020 | Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán. |
| 12 | 120/2020/TT-BTC | 31/12/2020 | Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán. |

| STT | Số hiệu văn bản | Ngày ban hành | Trích yếu |
|-----|-------------------------------------|---------------|---|
| 13 | 121/2020/TT-BTC | 31/12/2020 | Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán. |
| 14 | 118/2020/TT-BTC | 31/12/2020 | Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng. |
| 15 | 116/2020/TT-BTC | 31/12/2020 | Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. |
| 16 | 117/2020/TT-BTC | 31/12/2020 | Thông tư số 117/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định phương pháp tính khoản thu trái pháp luật, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về CK & TTCK. |
| 17 | 96/2020/TT-BTC | 16/11/2020 | Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. |
| 18 | 95/2020/TT-BTC | 16/11/2020 | Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Thông tư này thay thế Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát giao dịch chứng khoán trên Thị trường chứng khoán. |
| 19 | Văn bản pháp luật khác có liên quan | | |

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty;
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, 2021, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Bán niên soát xét năm 2023, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III/2023 của Công ty;
4. Phụ lục IV: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29...tháng 11. năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


NGUYỄN KHÁNH LINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN ĐỨC HIẾU


TRỊNH TÂN LỰC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT





NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

TRẦN THỊ NHÂN



THANHCONG SECURITIES CO.

A: 2nd floor, No. 6 Ho Tung Mau St., Nguyen Thai Binh W., D.1, HCMC
T: (+84 28) 3827 0527 | F: (+84 28) 3821 80 10

T. N. H. H. S. M. *
KANNUR
Q